

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU THỐNG KÊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-VKSTC ngày 01/4/2025
của Viện trưởng VKSND tối cao)

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU THỐNG KÊ TUẦN

Các tiêu chí trong Biểu mẫu báo cáo thống kê tuần được hướng dẫn theo tiêu chí trong các biểu mẫu thống kê hình sự và dân sự.

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU THỐNG KÊ HÌNH SỰ

I. Hệ thống biểu mẫu thống kê hình sự

1. Danh mục các Biểu và Phụ lục

Hệ thống biểu mẫu thống kê hình sự ban hành kèm theo Chế độ báo cáo thống kê nghiệp vụ gồm 17 biểu và 12 phụ lục:

Biểu số 01: Thống kê kết quả công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Biểu số 02: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự. (kèm theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02)

Phụ lục 01: Danh sách các trường hợp Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra do không phạm tội.

Phụ lục 02: Danh sách các trường hợp Viện kiểm sát đình chỉ vụ án do bị can không phạm tội.

Biểu số 03: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự (Kèm theo Phụ lục 03)

Phụ lục 03: Danh sách bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội.

Biểu số 04: Thống kê kết quả xét xử sơ thẩm hình sự đối với các bị cáo.

Biểu số 05: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự (Kèm theo Phụ lục 04)

Phụ lục 04: Danh sách các bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không phạm tội.

Biểu số 06: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự.

Phụ lục 5: Danh sách các bị cáo Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên không phạm tội.

Biểu số 07: Thống kê kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (*Kèm theo Phụ lục 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12*)

Phụ lục 06: Danh sách những người bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt tử hình

Phụ lục 07: Danh sách những người bị Tòa án tuyên phạt tử hình đã thi hành án, trốn, chết.

Phụ lục 08: Danh sách những người bị Tòa án phúc thẩm tuyên phạt tử hình.

Phụ lục 09: Danh sách những người bị Tòa án sơ thẩm tuyên phạt tử hình đã được xét xử phúc thẩm.

Phụ lục 10: Danh sách những người đã bị tuyên phạt tử hình mà Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên đình chỉ vụ án hoặc hủy án để điều tra, xét xử lại.

Phụ lục 11: Danh sách những người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định của Chủ tịch nước.

Phụ lục 12: Danh sách những người hợp bị Tòa án tuyên phạt tử hình đang tạm giam

Biểu số 08: Thống kê giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 09: Thống kê kết quả điều tra các vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 10: Thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 11: Thống kê kiểm sát việc áp dụng thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Biểu số 14: Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội.

Biểu số 15: Thống kê kiểm sát việc chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Biểu số 16: Thống kê kiểm sát việc chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Biểu số 17: Thống kê vi phạm trong hoạt động tư pháp

2. Các biểu thực hiện trong các kỳ thống kê tháng (thời điểm quy định cụ thể trên biểu mẫu)

Biểu số 01: Thống kê kết quả công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Biểu số 02: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự. (*kèm theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02*)

Biểu số 03: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự (*Kèm theo Phụ lục 03*)

Biểu số 04: Thống kê kết quả xét xử sơ thẩm hình sự đối với các bị cáo.

Biểu số 05: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự (*Kèm theo Phụ lục 04*)

Biểu số 06: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 07: Thống kê kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (*Kèm theo Phụ lục 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12*)

Biểu số 08: Thống kê giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 09: Thống kê kết quả điều tra các vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 10: Thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 12: Thống kê giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng.

Biểu số 13: Thống kê người dưới 18 tuổi là bị hại trong các vụ án hình sự.

Biểu số 14: Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội.

Biểu số 15: Thống kê kiểm sát việc chấp hành phân thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Biểu số 16: Thống kê kiểm sát việc chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Biểu số 17: Thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp.

Lưu ý: các Phụ lục chỉ thực hiện theo tháng

3. Biểu thực hiện trong kỳ thống kê quý (thời điểm quy định trên biểu mẫu)

Biểu số 11: Thống kê kiểm sát việc áp dụng thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

4. Các biểu thực hiện trong các kỳ thống kê 6 tháng, 12 tháng (thời điểm quy định cụ thể trên biểu mẫu)

Biểu số 01: Thống kê kết quả công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Biểu số 02: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự.

Biểu số 03: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự

Biểu số 05: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự

Biểu số 06: Thống kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 07: Thống kê kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự

Biểu số 08: Thống kê giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 09: Thống kê kết quả điều tra các vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân.

Biểu số 10: Thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

Biểu số 14: Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội.

Biểu số 15: Thống kê kiểm sát việc chấp hành phân thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Biểu số 16: Thống kê kiểm sát việc chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

II. Hướng dẫn biểu mẫu

1. Hướng dẫn chung:

Các tiêu chí trong Biểu mẫu thống kê đều có căn cứ thống kê là các biểu mẫu tố tụng, nghiệp vụ trong công tác kiểm sát giải quyết các vụ án hình sự. Hướng dẫn biểu mẫu chỉ áp dụng đối với các tiêu chí có thể có cách hiểu khác nhau, hướng dẫn rõ để hiểu và thực hiện một cách thống nhất trong toàn Ngành.

*** Nguyên tắc thống kê theo tội danh**

- Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án.

- Nếu bị can bị khởi tố, truy tố; bị cáo bị xét xử về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can, bị cáo được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.

- Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự.

Các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng là căn cứ để thống kê. Vì vậy, tội danh của vụ án, bị can, bị cáo ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được thống kê theo tội danh ghi trong các quyết định do cơ quan có thẩm quyền ban hành tương ứng với từng giai đoạn tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử).

*** Nguyên tắc thống kê “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến”:**

- “Số chuyển đi nơi khác” là thống kê số vụ án, số việc, số bị can, bị cáo, số tạm giữ, tạm giam, thi hành án ... chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- “Số nơi khác chuyển đến ” là thống kê số vụ án, số việc, số bị can, bị cáo, số tạm giữ, tạm giam, thi hành án do nơi khác chuyển đến để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

*** Khi thống kê tiêu chí “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến” cần lưu ý:**

+ Đây là những tiêu chí độc lập, vì vậy khi nhận từ nơi khác chuyển đến (vụ án, việc, bị can, người bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án...) các đơn vị chỉ thống kê vào dòng “Số nơi khác chuyển đến” mà không cộng số liệu này vào dòng số mới hoặc số còn lại. Khi chuyển đi nơi khác (vụ án, việc, bị can, người bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án...) các đơn vị chỉ thống kê vào dòng “Số chuyển đi nơi khác” mà không trừ số liệu này ở các dòng số cũ hoặc số mới.

+ Tiêu chí “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến” được hiểu là chuyển đi nơi khác và nơi khác chuyển đến trong cùng giai đoạn tố tụng để giải quyết theo thẩm quyền (điều tra chuyển điều tra, truy tố chuyển truy tố, xét xử chuyển xét xử...). Do vậy, nếu sau khi kết thúc giải quyết ở một giai đoạn tố tụng và được chuyển sang giải quyết ở giai đoạn tố tụng kế tiếp theo quy định của Bộ luật tố tụng thì không được coi là “Số chuyển đi nơi khác và Số nơi khác chuyển đến” nên không thống kê vào 2 dòng này.

*** Nguyên tắc thống kê số tạm đình chỉ**

- “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” hoặc “Số vụ, việc tạm đình chỉ được Tòa án ra quyết định giải quyết trong kỳ thống kê” là tiêu chí độc lập không nằm trong số còn lại của kỳ trước.

- Đối với những trường hợp (vụ án, việc, bị can) đã ban hành quyết định tạm đình chỉ nhưng ngay trong kỳ thống kê đó lại có quyết định phục hồi thì không thống kê số liệu này vào hai dòng “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” và “Số tạm đình chỉ trong kỳ thống kê”.

- “Số tạm đình chỉ trong kỳ thống kê” không nằm trong “Số đã giải quyết xong” và không nằm trong “Số còn lại cuối kỳ chưa giải quyết”.

*** Nguyên tắc thống kê số tổng thụ lý**

Do biểu mẫu mới bổ sung thêm dòng “Số nơi khác chuyển đến” và “Số chuyển đi nơi khác”, đồng thời tách số “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” ra thành tiêu chí độc lập mà không nằm trong số còn lại của kỳ trước như hướng dẫn trước đây. Vì vậy tổng số được tính như sau:

Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ + Số mới + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác

Đối với những biểu mẫu không có tiêu chí “Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ” thì tổng số được tính như sau:

Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới + Số nơi khác chuyển đến – Số chuyển đi nơi khác.

Đối với những biểu mẫu không có tiêu chí: Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ; Số nơi khác chuyển đến; Số chuyển đi nơi khác thì tổng số được tính như sau: **Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới**

Đối với những biểu có tiêu chí: Trả hồ sơ điều tra bổ sung:

Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ + Số mới + số nhận lại do trả hồ sơ điều tra bổ sung trong kỳ (tính theo lượt nhận)- số trả hồ sơ điều tra bổ sung trong kỳ (tính theo lượt trả)

*** Nguyên tắc thống kê tách, nhập vụ án:**

Trong biểu mẫu không có các tiêu thức “tách”, “nhập”; khi xuất hiện các trường hợp này thì tăng hoặc giảm số lượng án phải giải quyết thuộc số cũ hoặc số mới, cụ thể như sau:

Tách vụ án:

Nếu 1 vụ án thuộc số cũ được tách thành n vụ thì sẽ tăng thêm (n-1) vụ vào số cũ; nếu 1 vụ án thuộc số mới được tách thêm n vụ thì tăng thêm số mới

($n-1$) vụ. Ví dụ: 1 vụ được tách thành 3 vụ ($n=3$) thì số vụ được tăng thêm là ($3-1=2$);

Nhập vụ án:

Nhập cũ vào cũ, mới vào mới: nếu nhập n vụ với nhau thì số vụ sẽ giảm đi ($n-1$) vụ tương ứng (cũ giảm cũ, mới giảm mới); Ví dụ: 3 vụ cũ ($n=3$) nhập làm 1 vụ thì số vụ cũ giảm ($n-1=3-1=2$) vụ;

Nếu nhập n vụ cũ vào 1 vụ mới thì số vụ cũ giảm đi n vụ, số vụ mới không đổi; ngược lại, nếu nhập n vụ mới vào 1 vụ cũ thì số vụ mới giảm đi n vụ, số vụ cũ không đổi (tổng số giảm n vụ);

Nếu nhập n vụ cũ vào m vụ mới làm một vụ mới thì số vụ cũ giảm n vụ, số vụ mới giảm $m-1$ vụ, tổng số vụ giảm $n+m-1$ vụ; ngược lại, nếu nhập n vụ mới vào m vụ cũ làm một vụ cũ thì số vụ mới giảm đi n vụ, số vụ cũ giảm $m-1$ vụ, tổng số vụ giảm $n+m-1$ vụ.

**** Nguyên tắc thống kê đối với pháp nhân thương mại phạm tội***

Việc thống kê đối với pháp nhân thương mại phạm tội được thực hiện giống như đối với cá nhân phạm tội ở tất cả các tiêu chí như: Thống kê số vụ án, bị can, tội danh, tạm đình chỉ... Tuy nhiên, do là pháp nhân thương mại phạm tội nên không phải thống kê các tiêu chí như: Dân tộc, độ tuổi, giới tính.

2. Hướng dẫn cụ thể 1 số chỉ tiêu

Biểu số 01

Thống kê kết quả công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

- **Dòng 1 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn lại của kỳ trước):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của kỳ thống kê trước mà CQĐT chưa ban hành quyết định giải quyết (quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án) hoặc chưa ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết.

- **Dòng 20 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được tách ra từ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khác):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra nhưng có nội dung liên quan đến nhiều đơn vị có chức năng giải quyết thuộc Cơ quan điều tra và Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã quyết định tách tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố để phân công giải quyết.

- **Dòng 24 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được nhập vào tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khác):** Thống kê số

tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố Cơ quan có thẩm quyền giải quyết đã nhận nhiều lần hoặc nhận từ nhiều đơn vị khác (VKS, Cơ quan Quốc hội...) chuyển đến nhưng có cùng một nội dung yêu cầu giải quyết, Cơ quan có thẩm quyền đã nhập chung để giải quyết.

- **Dòng 28 (Tổng số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phải giải quyết):** Là số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn lại của kỳ trước chưa giải quyết + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phục hồi giải quyết + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mới nhận trong kỳ thống kê + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nơi khác chuyển đến - Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố chuyển đi nơi khác + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được tách ra từ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khác - Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được nhập vào tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khác.

- **Dòng 34 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã giải quyết):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà cơ quan có thẩm quyền giải quyết điều tra đã ban hành quyết khởi tố vụ án hình sự.

- **Dòng 44 (Số tố giác, tin báo... đã khởi tố theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố được CQĐT của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân đã quyết định khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của Viện kiểm sát.

- **Dòng 51 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà cơ quan có thẩm quyền giải quyết ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết trong kỳ thống kê khi có các căn cứ quy định tại Điều 148 BLTTHS.

***Lưu ý:** Những tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.*

- **Dòng 59 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá hạn khi ra QĐ khởi tố, QĐ không khởi tố hoặc tạm đình chỉ):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thụ lý giải quyết (của kỳ thống kê trước hoặc trong kỳ thống kê) đã quá thời hạn giải quyết, nay đã được cơ quan cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự hoặc tạm đình chỉ giải quyết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 60 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố chưa giải quyết xong):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn lại tính đến cuối kỳ thống kê chưa ban hành các quyết định giải quyết (quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự).

Lưu ý: Dòng này không bao gồm số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết.

- **Dòng 66 (Số đã quá thời hạn giải quyết):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn lại chưa giải quyết xong nhưng đã quá thời hạn giải quyết theo quy định tại Điều 147 BLTTHS.

- **Dòng 67 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố VKS yêu cầu ra quyết định xử lý, giải quyết):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn giải quyết và VKS đã có văn bản yêu cầu ra quyết định khởi tố, không khởi tố hoặc tạm đình chỉ

- **Dòng 70 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đang tạm đình chỉ giải quyết tính đến cuối kỳ thống kê = Số tạm đình chỉ cuối kỳ thống kê của kỳ liền trước – Số đã phục hồi trong kỳ + Số tạm đình chỉ trong kỳ

- **Dòng 75 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do VKS trực tiếp giải quyết):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do VKS trực tiếp giải quyết trong trường hợp phát hiện cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục (điểm c khoản 3 Điều 145 BLTTHS).

- **Dòng 79: Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không được kiểm sát thụ lý theo quy định tại K5 điều 146 BLTTHS :** Số tin báo Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra đã thụ lý tuy nhiên không thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận cho Viện kiểm sát (được phát hiện thông qua công tác kiểm sát trực tiếp hoặc yêu cầu tự kiểm tra)

Biểu số 02

Thống kê kết quả công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự

- **Dòng 3 (Số người bị bắt trong kỳ thống kê):** thống kê tổng số người bị bắt trong kỳ thống kê, bao gồm những trường hợp bắt được phân tổ từ Dòng 4 đến Dòng 7 ngoài ra còn các trường hợp khác.

- **Dòng 26 (Số người bị bắt, tạm giữ trả tự do không xử lý hình sự có trách nhiệm của VKS (đã phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ; phê chuẩn lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp...):** Thống kê những người bị bắt, tạm giữ trả tự do không xử lý hình sự, trước đó VKS đã phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ; lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp...

- **Dòng 13/ Dòng 14 (Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam phạm tội mới/ bỏ trốn):** VKS phê chuẩn có thể ở kỳ trước hoặc kỳ này tuy nhiên bị can bỏ trốn, hoặc phạm tội mới trong kỳ thống kê (áp dụng tương tự đối với các Dòng 17, 23, 24, 25, 38, 39...)

- **Dòng 40/ Dòng 44 (Số người bị tạm giữ/tạm giam có người bào chữa):** Thống kê số người bị tạm giữ/tạm giam có người bào chữa đăng ký trong kỳ thống kê (trường hợp đăng ký ở kỳ trước thì không thống kê) và không thuộc trường hợp từ chối người bào chữa. Trường hợp 1 người có cả luật sư, bào chữa viên nhân dân...thì ở các dòng phân tổ căn cứ vào chức danh của người bào chữa để thống kê vào các dòng tương ứng, do đó tổng số liệu của các dòng phân tổ có thể lớn hơn dòng tổng. (Áp dụng tương tự cho tất cả các chỉ tiêu liên quan đến “Người bào chữa “ trong các Biểu).

- **Dòng 54/Dòng 61(Số vụ án/bị can còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án mà CQĐT, Hội đồng xét xử và của VKS đã khởi tố ở kỳ thống kê trước còn phải tiếp tục điều tra trong kỳ thống kê này, bao gồm:

+ Những vụ án/bị can có quyết định khởi tố thuộc các kỳ thống kê trước chưa kết thúc điều tra chuyển sang kỳ thống kê này để tiếp tục điều tra;

+ Những vụ án/bị can có quyết định khởi tố nhưng đình chỉ điều tra thuộc các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này được phục hồi điều tra.

- **Dòng 55/Dòng 62 (Số vụ án/bị can mới nhận để điều tra lại):** Thống kê số vụ án/bị can khởi tố ở các kỳ thống kê trước bị Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án và chuyển lại hồ sơ cho CQĐT để tiến hành điều tra lại theo quy định của pháp luật.

- **Dòng 56/Dòng 63 (Số vụ án mới nhận để điều tra bổ sung (tính cả những vụ VKS trả theo yêu cầu của Tòa án):** Thống kê theo số vụ án/bị can mà Cơ quan điều tra đang thực tế nhận để điều tra bổ sung trong kỳ thống kê, bao gồm cả những vụ án/bị can do VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo yêu

cầu của Tòa án. *Những trường hợp VKS trả ĐTBS và CQĐT đề nghị truy tố hoặc hoàn lại sau khi điều tra bổ sung trong cùng kỳ thì không thống kê vào dòng này.*

- **Dòng 59/Dòng 66 (Số vụ án/bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ):** Thống kê số vụ án/bị can đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước được phục hồi điều tra trong kỳ thống kê. *Những vụ án/bị can đã có quyết định tạm đình chỉ nhưng ngay trong kỳ thống kê đã quyết định phục hồi thì không thống kê vào dòng này.*

- **Dòng 68/Dòng 69 (Số vụ án/bị can mới khởi tố):** Thống kê số vụ án/bị can có quyết định khởi tố trong kỳ thống kê, bao gồm: Những vụ án/ bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê; Những vụ án được tách từ các vụ án/bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Những bị can khởi tố thuộc các vụ án mới là những trường hợp có quyết định khởi tố bị can của CQĐT đã được VKS phê chuẩn trong kỳ thống kê, tính cả những bị can CQĐT khởi tố ở các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định phê chuẩn của VKS ở kỳ thống kê này; những bị can do VKS ban hành quyết định khởi tố trong kỳ thống kê. Những bị can CQĐT khởi tố chưa có quyết định phê chuẩn của VKS thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 74/Dòng 76 (Tổng số vụ án/bị can CQĐT thụ lý điều tra):** Thống kê số vụ án/bị can CQĐT thụ lý giải quyết trong kỳ thống kê, bao gồm: Số vụ án/bị can mới nhận để điều tra lại + Số vụ án/bị can mới nhận lại để điều tra bổ sung + Số vụ án/bị can được tách ra từ vụ án khác + Số vụ án/bị can còn lại của kỳ trước + Số vụ án/bị can tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ thống kê + Số vụ án/bị can mới khởi tố + Số vụ án/bị can nơi khác chuyển đến - Số vụ án/bị can chuyển đi nơi khác - Số vụ án/bị can được nhập vào vụ án khác.

- **Dòng 77 (Số vụ án xác định án trọng điểm):** Chỉ thống kê những vụ án xác định án trọng điểm trong kỳ thống kê, những vụ án đã các định án trọng điểm ở kỳ thống kê trước thì không thống kê vào dòng này, tương tự đối với Dòng 78.

- **Dòng 88/Dòng 91 (Số vụ án/bị can đề nghị truy tố):** Tính số vụ án/bị can đề nghị truy tố thực tế đang ở VKS khi kết thúc kỳ thống kê (có biên bản bàn giao sang VKS để truy tố theo thẩm quyền. Nếu có bản kết luận điều tra ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có biên bản bàn giao sang VKS thì không thống kê).

Số vụ/bị can đề nghị truy tố (Biểu 2) – Số vụ án/bị can ở kỳ thống kê trước (do trước đó đã trả hồ sơ điều tra bổ sung), (Biểu 2) = Số vụ án/bị can đề nghị truy tố (Biểu 10)

Dòng 89/Dòng 92 (Số vụ án/bị can đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả hồ sơ điều tra bổ sung)): Tính số vụ án/bị can đã truy tố thực tế đang ở tòa án và đã truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả ĐTBST) khi kết thúc kỳ thống kê. *Lưu ý: Đối với những vụ án Cơ quan điều tra ra kết luận điều tra nhưng Viện kiểm sát trả hồ sơ điều tra bổ sung trong cùng tháng nên chưa tính số liệu kết luận điều tra đề nghị truy tố, tại kỳ thống kê tiếp theo, không tính vào số liệu “đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước” – Ví dụ : Vụ án /bị can (A) CQĐT ra kết luận điều tra và VKS trả hồ sơ ĐTBST luôn ở tháng , do đó không tính vào số liệu dòng 56/63 “Số vụ án/bị can nhận lại do trả HSĐTBST, không tính vào dòng 88/91” Số vụ án/bị can đề nghị truy tố” của tháng 1, do đó không tính vào dòng 89/92 (ở kỳ Vụ án A đề nghị truy tố lại)*

- **Dòng 96 (Số vụ án CQĐT đình chỉ điều tra):** Thống kê số vụ án CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra, trong kỳ thống kê. Căn cứ vào quyết định đình chỉ vụ án mà thống kê vào các dòng lí do tương ứng.

Lưu ý: Chỉ thống kê những vụ án có quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đối với những vụ án có nhiều bị can nhưng chỉ đình chỉ một bị can thì không thống kê vào dòng này và các dòng phân tổ của dòng này.

- **Dòng 97/Dòng 114 (Số vụ án/bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ điều tra):** Thống kê số vụ án/ bị can (trong các vụ án) VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung nhưng kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ vụ án/ bị can và CQĐT đã ban hành quyết định đình chỉ, trong kỳ thống kê (tính cả những trường hợp vụ án trả hồ sơ từ các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê này).

- **Dòng 130/Dòng 137 (Số vụ án/bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê (*những vụ án/bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng có quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào Dòng này*).

- **Dòng 147/ Dòng 148 (Tổng số vụ án/ Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước đến kỳ thống kê này chưa phục hồi điều tra.

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của CQĐT, các đơn vị cần kiểm tra công thức:

Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê = Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê trước + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê - Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra phục hồi điều tra trong kỳ thống kê - Số vụ án/ số bị can đình chỉ điều tra do trước đó đã ra QĐ tạm đình chỉ điều tra, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS nhưng không có quyết định phục hồi, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 150/Dòng 152 (Số vụ án/bị can còn lại chưa kết thúc điều tra):** Thống kê số vụ án/bị can đến cuối kỳ thống kê chưa có quyết định giải quyết, xử lý của CQĐT như: kết thúc điều tra, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra.

- Dòng Số vụ án/bị can còn lại chưa kết thúc điều tra = Tổng số vụ án/bị can CQĐT thụ lý điều tra – Số vụ án/bị can đề nghị truy tố - Số vụ án/bị can CQĐT đình chỉ - Số vụ án/bị can CQĐT tạm đình chỉ .

- **Dòng 158 (Số vụ án VKS đã ban hành yêu cầu điều tra (Trong số vụ án khởi tố mới; phục hồi điều tra; trả hồ sơ điều tra lại)):** Thống kê số vụ án VKS đã ban hành yêu cầu điều tra trong số những vụ án mới khởi tố, phục hồi điều tra, trả hồ sơ điều tra lại).

- **Dòng 225 (Số trường hợp VKS hủy bỏ các Quyết định không có căn cứ của CQĐT):** Chỉ thống kê những trường hợp VKS hủy bỏ các QĐ của cơ quan điều tra do áp dụng sai (không có căn cứ) quy định của pháp luật, không thống kê những trường hợp hủy bỏ do thay đổi tình hình hoặc đến thời điểm hiện tại đã đủ căn cứ để tiếp tục giải quyết...

- **Dòng 237: (Số trường hợp VKS hủy bỏ các Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, bị can yêu cầu điều tra, giải quyết đúng quy định) :**

Thống kê các trường hợp VKS hủy bỏ các Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ không có căn cứ của CQĐT (nằm trong số liệu dòng 232 đến 235) VKS hủy đồng thời ban hành yêu cầu điều tra, giải quyết đúng quy định.

- **Dòng 244 (Số vụ án VKS gia hạn thời hạn điều tra):** Thống kê số vụ án VKS đã gia hạn thời hạn điều tra, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 245/246/247 (Số vụ án gia hạn lần 1; Số vụ án gia hạn lần 2; Số vụ án gia hạn lần 3):** Các Dòng này là phân tổ của Dòng 242, căn cứ vào quyết định gia hạn mà thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 249/250 (Số vụ án đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định của pháp luật/Số vụ án đã áp dụng thủ tục rút gọn) :** Thống kê số vụ án đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê theo quy định của

pháp luật; Dòng 250 không bao gồm những trường hợp hủy bỏ QĐ áp dụng thủ tục rút gọn.

- **Dòng 256/Dòng 261 (Số vụ án/bị can còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án/bị can VKS đã thụ lý để giải quyết từ các kỳ thống kê trước nhưng chưa giải quyết xong chuyển sang kỳ thống kê này.

- **Dòng 257/Dòng 262 (Số vụ án/bị can tạm đình chỉ được phục hồi để truy tố trong kỳ):** Thống kê số vụ án/bị can đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước đến kỳ thống kê này được phục hồi để giải quyết. *Những vụ án/bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng ngay trong kỳ thống kê đã có quyết định phục hồi thì không thống kê vào dòng này.*

- **Dòng 258/Dòng 263 (Số vụ án/bị can mới nhận lại để điều tra bổ sung):** Thống kê số vụ án/bị can Tòa án có quyết định trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung và đang thực tế ở VKS. Những trường hợp không thống kê vào dòng này: *(1) Những vụ án/bị can Tòa án trả cho VKS, VKS đã trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung trong cùng kỳ; (2) Những vụ án/bị can Tòa án trả điều tra bổ sung và VKS hoàn lại trong cùng kỳ.*

- **Dòng 266/Dòng 267 (Số vụ án/bị can mới thụ lý):** Thống kê số vụ án/bị can CQĐT đã kết thúc điều tra và bàn giao hồ sơ sang VKS thụ lý để giải quyết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 272/ Dòng 273 (Số vụ án/bị can VKS trả hồ sơ điều tra bổ sung trong kỳ (cả những vụ án do VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án):** Thống kê theo số vụ án/bị can VKS đã trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung và cuối kỳ thống kê đang ở Cơ quan điều tra, bao gồm cả những vụ án/bị can do VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án. Những trường hợp không thống kê vào dòng này: *(1) Những vụ án/bị can Tòa án trả cho VKS, VKS đã trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung trong cùng kỳ; (2) Những trường hợp CQĐT đề nghị truy tố hoặc hoàn lại sau khi điều tra bổ sung và VKS trả ĐTBST trong cùng kỳ.*

- **Dòng 274/ Dòng 275 (Tổng số vụ án/bị can VKS thụ lý giải quyết):** Tổng số vụ án/bị can thụ lý của Viện kiểm sát (Biểu 2, Biểu 10) = Số vụ án/bị can còn lại của kỳ trước + Số vụ án/bị can mới thụ lý + Số vụ án/bị can phục hồi + Số vụ án/bị can chuyển đến – Số vụ án/bị can chuyển đi + Số vụ án/bị can mới nhận để điều tra bổ sung - Số vụ án/bị can VKS trả hồ sơ điều tra bổ sung trong kỳ.

- **Dòng 286/Dòng 290 (Số vụ án/bị can truy tố):** Tính số vụ án/bị can đã truy tố đã có biên bản bàn giao sang tòa án trong kỳ thống kê

- **Dòng 287/Dòng 291(Số vụ án đã truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả hồ sơ điều tra bổ sung):** Tính số vụ án/bị can đã truy tố thực tế đang ở tòa án và đã truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả ĐTBST) khi kết thúc kỳ thống kê. *Lưu ý: Đối với những vụ án Cơ quan điều tra ra kết luận điều tra nhưng Viện kiểm sát trả hồ sơ điều tra bổ sung trong cùng tháng nên chưa tính số liệu kết luận điều tra đề nghị truy tố, tại kỳ thống kê tiếp theo, không tính vào số liệu “đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước”.*

- **Dòng 294/Dòng 298 (Số vụ án/bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ):** Thống kê số vụ án/bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án, trong kỳ thống kê. (Số này không bao gồm số liệu ở Dòng 296, 312).

- **Dòng 295/Dòng 299 (Số vụ án/bị can Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ):** Thống kê số vụ án/bị can Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó VKS ra quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê (tính cả những trường hợp vụ án trả hồ sơ từ các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê này).

- **Dòng 314/Dòng 320 (Số Vụ án/bị can VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án/ bị can VKS đã ra quyết định tạm đình chỉ, trong kỳ thống kê. *Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.*

- **Dòng 330/Dòng 331 (Tổng số vụ án/bị can VKS tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số vụ án/bị can VKS đã ra quyết định tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê khác nhau nhưng đến cuối kỳ thống kê này chưa có quyết định phục hồi.

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của VKS, các đơn vị cần kiểm tra công thức: Tổng số vụ án/ số bị can VKS tạm đình chỉ đến cuối kỳ thống kê = Tổng số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê của kỳ trước + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ trong kỳ thống kê - Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ thống kê - Số vụ án/bị can VKS đình chỉ do trước đó đã ra quyết định tạm đình chỉ, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS nhưng không có quyết định phục hồi trong kỳ thống kê.

- **Dòng 332/Dòng 334 (Số vụ án/bị can còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số vụ án/bị can đến cuối kỳ thống kê chưa có quyết định giải quyết, xử lý của VKS như: truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ hay trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Số vụ án/bị can còn lại cuối kỳ chưa giải quyết = Tổng số vụ án/bị can VKS thụ lý giải quyết - Số vụ án/bị can truy tố - Số vụ án/bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ - Số vụ án/bị can VKS đình chỉ do trước đó đã ra quyết định tạm đình chỉ, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS nhưng không có quyết định phục hồi - Số vụ án /bị can VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê

- **Dòng 340/355 (Số vụ án/bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung (không tính những vụ do Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung)):**)”: Thống kê theo quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được VKS ban hành trong kỳ thống kê. Những vụ án/bị can có nhiều hơn 01 quyết định trong cùng kỳ thống kê thì chỉ tính 01 và thống kê lý do trả theo quyết định gần nhất.

- **Dòng 350/351/352/353/354 (Còn thiếu chứng cứ/ Có căn cứ khởi tố bị can về một tội hay nhiều tội phạm khác/Có đồng phạm hoặc người phạm tội khác nhưng chưa được khởi tố/Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng):** Căn cứ vào lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định tại khoản 1 Điều 245 BLTTHS để thống kê vào các dòng tương ứng. Nếu 01 vụ án mà VKS trả để điều tra bổ sung với nhiều lý do khác nhau thì thống kê toàn bộ lý do vào các dòng tương ứng, vì vậy số liệu của tổng các dòng này có thể lớn hơn số liệu ở Dòng 349 (áp dụng tương tự cho các chỉ tiêu trả hồ sơ điều tra bổ sung ở các Biểu)

- **Dòng 349/Dòng 355/ (Số vụ án/bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT được CQĐT chấp nhận điều tra bổ sung):** Thống kê số vụ án/bị can VKS có quyết định trả hồ sơ để CQĐT điều tra bổ sung và được CQĐT chấp nhận điều tra bổ sung, trong kỳ thống kê (bao gồm cả số vụ án VKS trả ở các kỳ thống kê trước, nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới có công văn thể hiện việc chấp nhận). Thống kê cả những vụ CQĐT chỉ chấp nhận một phần yêu cầu điều tra của VKS. Việc chấp nhận có thể làm thay đổi hoặc không thay đổi nội dung Kết luận điều tra.

Dòng 380 (Số vụ án VKS Quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra (có thể trước và trong kỳ thống kê) sau đó CQĐT ra QĐ đình chỉ hoặc VKS ra quyết định giải quyết (truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ) trong kỳ thống kê): Chỉ thống kê những vụ án VKS Quyết định hủy bỏ QĐ đình chỉ điều tra và sau đó đã có QĐ đình chỉ điều tra hoặc VKS đã ra QĐ truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ

Biểu số 03

Thống kê kết quả công tố và KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự

- **Dòng 1/Dòng 5 (Số vụ án/bị can, bị cáo còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án Tòa án đã thụ lý xét xử sơ thẩm từ các kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này, gồm các trường hợp sau:

+ Những vụ án/bị can, bị cáo còn lại kỳ thống kê trước chưa xét xử chuyển sang kỳ thống kê này;

+ Những vụ án/bị can, bị cáo nhận từ nơi khác chuyển đến để xét xử theo thẩm quyền mà nơi chuyển đã thụ lý ở kỳ thống kê trước;

+ Những vụ án/bị can, bị cáo Tòa án đình chỉ của các kỳ thống kê trước, nay được phục hồi trong kỳ thống kê này để xét xử;

- **Dòng 3/Dòng 7 (Số vụ án/ bị can điều tra bổ sung mới nhận lại):** Thống kê số vụ án/bị can Tòa án có quyết định trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung ở các kỳ thống kê trước và Tòa án nhận lại trong kỳ thống kê đang thực hiện. *Những vụ án/bị can Tòa án trả điều tra bổ sung và VKS hoàn lại trong cùng kỳ thì không thống kê vào dòng này.*

- **Dòng 4/Dòng 8 (Số vụ án/ bị can, bị cáo tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án/ bị can, bị cáo đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước, nay được Tòa án phục hồi để xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê (*Những vụ án/ bị can, bị cáo có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các Dòng này*).

- **Dòng 9/ Dòng 12 (Số vụ án/bị can, bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm):** Thống kê số vụ án/bị can VKS đã truy tố và đã chuyển hồ sơ cho Tòa án thụ lý để xét xử theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 15/Dòng 16 (Số vụ án/bị can Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong kỳ thống kê đến cuối kỳ chưa nhận lại);** Thống kê số vụ án/bị can Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ, đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung trong kỳ thống kê và đến cuối kỳ thống kê Tòa án chưa nhận lại. *Trường hợp Tòa án ban hành QĐ trả hồ sơ và VKS hoàn lại trong cùng kỳ thì không tính vào dòng này.*

- **Dòng 17/18 (Tổng số vụ án/bị can Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm):**

Tổng số vụ án/bị can tòa án thụ lý = Số vụ án/bị can còn lại của kỳ trước + Số vụ án/bị can hủy mới nhận để xét xử lại + Số vụ án/ bị can điều tra bổ sung mới nhận lại + Số vụ án/ bị can tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê + Số vụ án/ bị can mới thụ lý xét xử sơ thẩm – Số vụ án/bị can trả hồ sơ điều tra bổ sung trong kỳ, đến cuối kỳ chưa nhận lại (D15, D16).

- **Dòng 22/35 (Số vụ án/bị cáo đã xét xử sơ thẩm):** Thống kê số vụ án Tòa án đã đưa ra xét xử sơ thẩm và đã có bản án trong kỳ thống kê. Nếu quyết định đưa vụ án ra xét xử ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có bản án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 31 (Số phiên tòa phối hợp với Tòa án “số hóa hồ sơ” và công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh tại phiên tòa):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử mà tại phiên tòa các tài liệu, bằng chứng và các thông tư liên quan được số hóa và quản lý bằng hệ thống điện tử thay vì sử dụng hồ sơ giấy truyền thống, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 40 (Số bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội):** Thống kê số bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội trong kỳ thống kê (Đối với những bị cáo Tòa án tuyên không phạm một tội nhưng vẫn phạm tội khác thì không thống kê vào Dòng này).

- **Dòng 43/44/45 (Tòa án xét xử về một tội danh khác nặng/bằng/nẹ hơn tội danh VKS truy tố):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử về một tội phạm khác mà điều luật quy định về trách nhiệm hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) nặng /bằng/nẹ hơn tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố.

- **Dòng 49 (Số bị cáo Tòa án tuyên phạt hình phạt khác với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa):** Căn cứ vào mức hình phạt đã tuyên để thống kê vào D50, D51.

- **Dòng 70/Dòng 76 (Số vụ án/bị cáo Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (*Những vụ án có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các Dòng này*).

Lưu ý: Nếu một vụ án tạm đình chỉ với nhiều lý do khác nhau thì chỉ TK một lý do theo mã dòng nhỏ nhất.

- **Dòng 82/Dòng 83 (Tổng số vụ án/bị cáo Tòa án tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án có quyết định tạm đình chỉ của Tòa án phát sinh trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước đến cuối kỳ thống kê này vẫn đang tạm đình chỉ.

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của Tòa án, các đơn vị cần kiểm tra công thức:

Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê = Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê của kỳ thống kê trước - Số vụ án, số bị can, bị cáo tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ thống kê + Số vụ án, số bị can, bị cáo tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê

- **Dòng 84/ Dòng 86 (Số vụ án/bị cáo còn lại chưa giải quyết):** Thống kê số vụ án/bị can, bị cáo đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử xong (chưa có bản án) hoặc chưa có quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ. Trường hợp đã đưa vụ án ra xét xử nhưng chưa có bản án trong kỳ thống kê thì vẫn thống kê vào dòng này.

Số vụ án/bị can còn lại = Tổng số vụ án/bị can thụ lý - Số vụ án/bị can đã xét xử
- Số vụ án/bị can đình chỉ - Số vụ án/ bị can tạm đình chỉ.

- **Dòng 88/ Dòng 111 (Số vụ án/bị cáo Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung):** Thống kê theo quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được Tòa án ban hành trong kỳ thống kê và VKS đã nhận được. Những vụ án/bị can có nhiều hơn 01 quyết định trong cùng kỳ thống kê thì chỉ tính 01 và thống kê lý do trả theo quyết định gần nhất.

- **Dòng 98/Dòng 113 (Số vụ án/bị cáo VKS chấp nhận Tòa án trả hồ sơ VKS điều tra bổ sung):** Thống kê số vụ án/ bị cáo Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung mà Viện kiểm sát chấp nhận và tiến hành điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án, kể cả những vụ Viện kiểm sát chỉ chấp nhận một phần yêu cầu điều tra của Tòa án, không phân biệt việc chấp nhận có làm thay đổi nội dung Cáo trạng hay không (Việc chấp nhận ở kỳ thống kê nào thì thống kê vào kỳ thống kê đó - Trường hợp cùng một vụ án nhưng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần, nếu có nhiều lần chấp nhận thì chỉ tính chấp nhận là 1 lần).

- **Dòng 105 (Số vụ do VKS đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung):** Thống kê số vụ án VKS có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung .

- **Dòng 109 (Số vụ án VKS không chấp nhận Tòa án trả hồ sơ ĐTBST và có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố):** VKS không chấp nhận và chuyển trả hồ sơ cho tòa án vào tháng nào thì thống kê vào tháng đó, không căn cứ thời điểm Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung. Chỉ thống kê những vụ Viện kiểm sát không chấp nhận hoàn toàn.

- **Dòng 129/ Dòng 130 (Số vụ án VKS hủy quyết định rút quyết định truy tố):** Thống kê số vụ án VKS đã ra quyết định hủy bỏ quyết định rút quyết định truy tố (rút trước hoặc tại phiên tòa). Bao gồm cả số Quyết định rút ở các kỳ thống kê trước nhưng đến kỳ thống kê này VKS mới ra quyết định hủy bỏ.

- **Dòng 144 (Số thông báo rút kinh nghiệm.):** Thống kê số thông báo rút kinh nghiệm bằng văn bản VKS đã ban hành trong kỳ thống kê (nội dung phân tích, tổng hợp những vi phạm pháp luật, thiếu sót trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, mà các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng hình sự hay mắc phải để không tái diễn). Mỗi bản thông báo chỉ tính 01 lần,

có nghĩa là nếu trong thông báo rút kinh nghiệm có nêu ra nhiều vấn đề khác nhau thì cũng chỉ được tính là 01 bản thông báo rút kinh nghiệm.

- **Dòng 145 (Số bản kiến nghị của VKS với Toà án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử sơ thẩm):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS với Toà án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê. Trường hợp 1 bản kiến nghị chung cả 3 cấp xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm) thì chỉ thống kê 1 lần vào dòng này (biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm không thống kê nữa).

Biểu số 04

Thông kê kết quả xét xử sơ thẩm hình sự đối với các bị cáo

- Tội danh: được thống kê theo tội danh mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo.

- Đối với 01 bị cáo nhưng phạm nhiều tội khác nhau thì thống kê đầy đủ vào các tội danh và hình phạt đã áp dụng đối với từng tội danh. Ví dụ: Bị cáo A Tòa án tuyên phạt tội "Giết người" 14 năm tù, tội "Cướp tài sản" 11 năm tù, thì thống kê như sau: tội "Giết người" 1 bị cáo, hình phạt "trên 7 năm đến 15 năm"; tội "Cướp tài sản" 1 bị cáo, hình phạt "trên 7 năm đến 15 năm". Vì vậy số bị cáo đã xét xử ở biểu này có thể lớn hơn hoặc bằng số bị cáo đã xét xử ở biểu số 10/2019.

- Mục “Quyết định khác”: Các cột 5, 7, 9, 11 thống kê tổng số bị cáo cả bị cáo là cá nhân và pháp nhân, nếu bị cáo là “pháp nhân” thì thống kê vào cột tương ứng.

- Đối với hình phạt áp dụng thì thống kê căn cứ theo bản án đã tuyên đối với từng hành vi phạm tội của bị cáo để thống kê vào cột tương ứng (hình phạt chính, hình phạt bổ sung), bị cáo là “cá nhân” hay “pháp nhân” thì thống kê vào ô tương ứng.

Cột 3 = Cột 5 + Cột 7 + Cột 9 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14 + Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18 + Cột 19 + Cột 20 + Cột 21 + Cột 22.

Cột 3- Cột 4 = Cột 5- Cột 6 + Cột 7- Cột 8 + Cột 9- Cột 10 + Cột 11+ Cột 12+ Cột 13+ Cột 14+ Cột 15+ Cột 16+ Cột 17+ Cột 18+ Cột 19+ Cột 20+ Cột 21+ Cột 22.

- Mục “Tiêu chí khác” thống kê tổng số bị cáo cả cá nhân và pháp nhân.

Biểu số 05

Thông kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự

Lưu ý: Số vụ án trong Biểu 5 được hiểu là (Vụ án hoặc Quyết định được giải quyết ở cấp Phúc thẩm)

- **Dòng 1/Dòng 5 (Số vụ án/bị cáo còn lại của kỳ trước):** Thông kê số vụ án/bị cáo chưa xét xử phúc thẩm của kỳ trước chuyển qua, các vụ án cấp giám đốc thẩm hủy án để xét xử phúc thẩm lại.

- **Dòng 3 /Dòng 6 (Số vụ án/bị cáo tạm đình chỉ đã phục hồi giải quyết trong kỳ thống kê):** Thông kê số vụ án/bị cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết ở các kỳ thống kê trước mà kỳ thống kê này đã ra quyết định phục hồi để giải quyết.

- **Dòng 10/Dòng 12 (Tổng số vụ án/bị cáo Tòa án thụ lý xét xử phúc thẩm):** Thông kê số vụ án/bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý để giải quyết, (bao gồm số vụ án còn lại của kỳ trước, số vụ án mới thụ lý và số vụ án tạm đình chỉ được phục hồi để giải quyết).

- **Dòng 31 (Số Vụ án bị Tòa án sửa bản án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của VKS):** Thông kê số vụ án/ bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án do lỗi của cấp sơ thẩm và được đánh giá có trách nhiệm của VKS đã thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 48 (Số bị can, bị cáo có người bào chữa tham gia phiên tòa):** Các phân tử của Dòng 49 và Dòng 51 căn cứ vào chức danh của người bào chữa để thống kê vào dòng tương ứng (Đối với những bị cáo có cả luật sư, bào chữa viên nhân dân, trợ giúp viên pháp lý thì thống kê vào tất cả các dòng nêu trên, tuy nhiên ở dòng 48 thì chỉ thống kê là 1, do đó phân tử có thể lớn hơn tổng số).

- **Dòng 74/Dòng 76 (Số vụ án/bị cáo Tòa án quyết định tạm đình chỉ):** Thông kê số vụ án/bị cáo mà Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm trong kỳ thống kê.

Đối với những vụ án, bị cáo đã có quyết định tạm đình chỉ nhưng ngay trong kỳ thống kê đó đã có quyết định phục hồi thì **không** thống kê vào dòng này và dòng phục hồi.

- **Dòng 77/Dòng 78 (Tổng số vụ án/bị cáo TA ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thông kê số vụ án/bị cáo Tòa án cấp phúc

thẩm tạm đình chỉ trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước đến kỳ thống kê này chưa phục hồi.

Số tạm đình chỉ đến cuối kỳ = Số tạm đình chỉ cuối kỳ thống kê trước - Số tạm đình chỉ đã phục hồi trong kỳ + Số tạm đình chỉ trong kỳ

- Dòng 79/ Dòng 82 (Số vụ án/bị cáo còn lại cuối kỳ chưa xét xử phúc thẩm): Thống kê số vụ án/bị cáo đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử phúc thẩm, chưa có quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ.

Số vụ án/bị cáo còn lại cuối kỳ chưa xét xử phúc thẩm = Tổng số vụ án/bị cáo tòa án thụ lý xét xử phúc thẩm – Số vụ án/bị cáo tòa phúc thẩm đình chỉ - Số vụ án/ bị cáo tòa phúc thẩm đã xét xử - Số vụ án/ bị cáo tạm đình chỉ trong kỳ.

- Dòng 84 (Số Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án, Quyết định của tòa án cấp sơ thẩm (kháng nghị trên cấp): Thống kê số Quyết định kháng nghị do VKS cấp trên ban hành (VKS cấp tỉnh, VKS cấp cao...) đối với những bản án của Tòa án sơ thẩm cấp dưới trực tiếp, trong kỳ thống kê.

Biểu số 06

Thông kê kết quả công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự và thủ tục xem xét lại quyết định của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao

- **Dòng 8/Dòng 10 (Tổng số vụ án/bị cáo Tòa án thụ lý giám đốc thẩm):** Thông kê tổng số vụ án/bị cáo Tòa án đã thụ lý để giải quyết theo trình tự GĐT, bao gồm: những trường hợp thuộc số còn lại của kỳ trước và số mới thụ lý.

- **Dòng 13/Dòng 35 (Số vụ án/bị cáo Tòa án xử chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thông kê số vụ án /bị cáo Tòa giám đốc thẩm xét xử chấp nhận kháng nghị của VKS (tính chung cả chấp nhận một phần và chấp nhận toàn bộ).

- **Dòng 54/Dòng 56 (Số vụ án/bị cáo còn lại cuối kỳ chưa giải quyết giám đốc thẩm):** Thông kê số vụ án/bị cáo đến cuối kỳ thông kê chưa xét xử giám đốc thẩm hoặc đình chỉ xét xử giám đốc thẩm vụ án.

- **Dòng 57 (Số Quyết định kháng nghị GĐT đối với bản án, QĐ của Tòa án VKS ban hành trong kỳ thống kê):** Thông kê số QĐ kháng nghị GĐT VKS ban hành trong kỳ thống kê; Do cấp sơ thẩm đề nghị (Dòng 58); Cấp phúc thẩm đề nghị (Dòng 59); ...

- **Dòng 61/Dòng 64 (Số vụ án/bị cáo VKS rút kháng nghị):** Thông kê số vụ án VKS rút kháng nghị (toàn bộ hoặc một phần); trước hoặc trong phiên tòa.

- **Dòng 77/Dòng 78 (Số vụ án/bị cáo mới thụ lý):** Thông kê số vụ án /bị cáo Tòa án mới thụ lý trong kỳ để xem xét theo thủ tục tái thẩm. Đây cũng là số kháng nghị tái thẩm của VKS.

- **Dòng 79/Dòng 80 (Tổng số vụ án/bị cáo Tòa án thụ lý xét xử tái thẩm):** Thông kê tổng số vụ án/bị cáo Tòa án đã thụ lý xét xử tái thẩm, bao gồm số còn lại của kỳ trước và số mới thụ lý.

- **Dòng 82/Dòng 90 (Số vụ án/bị cáo Tòa án chấp nhận kháng nghị của VKS):** Thông kê số vụ án/bị cáo Tòa án tái thẩm xét xử chấp nhận kháng nghị của VKS (tính chung cả chấp nhận một phần và chấp nhận toàn bộ).

- **Dòng 96/Dòng 97 (Số vụ án/bị cáo còn lại cuối kỳ chưa giải quyết tái thẩm):** Thông kê số vụ án/bị cáo đến cuối kỳ thông kê chưa xét xử tái thẩm hoặc đình chỉ tái thẩm.

- **Dòng 111 (Số kiến nghị, đề nghị còn lại của kỳ trước):** Thông kê số kiến nghị, đề nghị của Ủy ban tư pháp Quốc hội, Viện trưởng VKSND tối cao,

Chánh án TAND tối cao đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhất trí xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao ở kỳ thống kê trước chưa mở phiên họp.

- **Dòng 112 (Số kiến nghị, đề nghị mới thụ lý):** Thống kê số kiến nghị, đề nghị của Ủy ban tư pháp Quốc hội, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhất trí xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao trong kỳ thống kê.

- **Dòng 113 (Tổng số kiến nghị, đề nghị):** Thống kê tổng số kiến nghị, đề nghị của Ủy ban tư pháp Quốc hội, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhất trí xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao bao gồm số mới và số còn lại của kỳ trước.

- **Dòng 114 (Số kiến nghị, đề nghị đã giải quyết):** Thống kê số kiến nghị, đề nghị mà Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đã mở phiên họp xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao trong kỳ thống kê.

- **Dòng 119 (Số quyết định kiến nghị, đề nghị còn lại đến cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số kiến nghị, đề nghị mà Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chưa mở phiên họp xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

Biểu số 07/2025

Thông kê kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự

- **Dòng 3 (Số tạm giữ còn lại của kỳ trước):** Thông kê số người bị tạm giữ còn lại ở các kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển qua kỳ này để giải quyết tiếp.

- **Dòng 4 (Số người mới bị tạm giữ):** Thông kê số người mới được đưa vào nhà tạm giữ, hoặc buồng tạm giữ ở trại tạm giam trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Đối với những trường hợp tạm giữ đã trả tự do sau đó lại bị tạm giữ thì thống kê vào số mới.

$$\text{Dòng 4} = \text{Dòng 5} + \text{Dòng 6} + \text{Dòng 7} + \text{Dòng 8} + \text{Dòng 9}$$

- **Dòng 5 (Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp):** Thông kê số người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang):** Thông kê số người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Người bị bắt theo quyết định truy nã):** Thông kê số người bị bắt theo quyết định truy nã và đã có quyết định tạm giữ của Cơ quan điều tra đã bắt hoặc tiếp nhận người bị truy nã trong kỳ thống kê.

- **Dòng 8 (Người phạm tội tự thú):** Thông kê số người phạm tội đã tự thú và đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 9 (Người phạm tội đầu thú):** Thông kê số người phạm tội đã đầu thú và đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 10 (Số nơi khác chuyển đến):** Thông kê số người bị tạm giữ từ nơi khác chuyển đến, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 11 (Số chuyển đi nơi khác):** Thông kê số người bị tạm giữ chuyển đi nơi khác để tạm giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 12 (Tổng số người bị tạm giữ):** Tổng số = Số tạm giữ còn lại của kỳ trước + Số người mới bị tạm giữ + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác.

- **Dòng 13 (Số đã giải quyết):** Thống kê số người bị tạm giữ đã có quyết định giải quyết như: Khởi tố bị can chuyển tạm giam, khởi tố bị can áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị bắt theo quyết định truy nã đã có quyết định tạm giam, được trả tự do...

Dòng 13 = Dòng 14 + Dòng 15 + Dòng 16 + Dòng 17 + Dòng 22

- **Dòng 14 (Số khởi tố chuyển tạm giam):** Thống kê số người bị tạm giữ đã có quyết định khởi tố bị can và quyết định tạm giam của cơ quan có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 15 (Số khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn khác):** Thống kê số người bị tạm giữ đã bị khởi tố bị can và chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn khác như: Bảo lãnh; Cấm đi khỏi nơi cư trú...

- **Dòng 16 (Số truy nã chuyển tạm giam):** Thống kê số người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người bị truy nã ra đầu thú đang bị tạm giữ đã chuyển sang tạm giam.

- **Dòng 17 (Số tạm giữ được trả tự do):** Thống kê số người đang bị tạm giữ nhưng Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát trả tự do khi không đủ hoặc chưa đủ căn cứ khởi tố bị can (số này không bao gồm số ở dòng 22).

- **Dòng 18 (Phân tổ của Dòng 17):** Thống kê số người bị tạm giữ được trả tự do xác định không có hành vi vi phạm pháp luật.

- **Dòng 19 (Phân tổ của Dòng 18):** Thống kê số người bị tạm giữ được trả tự do xác định không có hành vi vi phạm pháp luật nên không bị xử lý hình sự có trách nhiệm của VKS như: Đã phê chuẩn lệnh gia hạn tạm giữ; phê chuẩn lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp....

- **Dòng 20 (Phân tổ của Dòng 17):** Thống kê số người bị tạm giữ được trả tự do trong thời gian chờ kết quả giám định, định giá để khởi tố bị can mà thời hạn tạm giữ đã hết hoặc xét thấy không cần thiết phải tạm giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 21 (Phân tổ của Dòng 17):** Thống kê số người bị tạm giữ khi bị tình nghi phạm tội mà tội phạm đó chỉ được khởi tố theo yêu cầu của bị hại đã được trả tự do khi người bị hại hoặc người đại diện của bị hại đã rút đơn yêu cầu khởi tố, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22 (Số tạm giữ được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát áp dụng điểm d khoản 2 điều 22 Luật tổ chức VKS ND và điểm d

khoản 2, Điều 42 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giữ khi người đó bị tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 23 (Số quá hạn tạm giữ đã giải quyết):** Thống kê số người bị tạm giữ đã quá hạn tạm giữ trong kỳ thống kê và trong kỳ thống kê trước đã được giải quyết bằng một trong các hình thức giải quyết ở dòng 14, 15, 16, 17, 22 (số liệu dòng này nằm trong số liệu số đã giải quyết ở dòng 13).

- **Dòng 24 (Số người tạm giữ chết trong kỳ):** Thống kê số người bị tạm giữ chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 25 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do bệnh lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 26 (Chết do tự sát):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do tự sát trong kỳ thống kê.

- **Dòng 27 (Số người tạm giữ trốn trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tạm giữ trốn trong kỳ thống kê (không phân biệt đã bắt được hay chưa bắt được).

- **Dòng 28 (Phân tổ của Dòng 27):** Thống kê số người bị tạm giữ đã trốn trong kỳ thống kê được thống kê ở dòng 28 nhưng đến cuối kỳ thống kê vẫn chưa bắt lại được.

- **Dòng 29 (Số người còn tạm giữ đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người còn đang bị tạm giữ đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 29} = \text{Dòng 12} - \text{Dòng 24} - \text{Dòng 27}$$

- **Dòng 30 (Phân tổ của Dòng 29):** Thống kê số người bị tạm giữ quá hạn trong số còn đang tạm giữ, căn cứ vào thời hạn ghi trên quyết định tạm giữ, thời hạn mà Viện kiểm sát đã phê chuẩn trong Quyết định phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ để làm cơ sở thống kê.

- **Dòng 31:** Phân tổ của Dòng 30 và xác định là thuộc trách nhiệm của VKS.

- **Dòng 33 (Số tạm giam còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người bị tạm giam còn lại ở các kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển qua kỳ này để giải quyết tiếp. Đối với những trường hợp trốn ở kỳ thống kê trước mà kỳ này bắt được thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 34 (Số người mới bị tạm giam):** Thống kê số người mới được đưa vào trại tạm giam, hoặc buồng tạm giam ở nhà tạm giữ trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Đối với những trường hợp tạm giam đã được tại ngoại sau đó lại tiếp tục bị bắt tạm giam trong kỳ thống kê thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 35 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người bị tạm giam nơi khác chuyển đến trong kỳ thống kê.

- **Dòng 36 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người bị tạm giam chuyển đi nơi khác trong kỳ thống kê.

- **Dòng 37 (Tổng số người bị tạm giam):** Thống kê tổng số người đang bị tạm giam (Tổng số = Số tạm giam còn lại của kỳ trước + Số người mới bị tạm giam + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác).

$$\text{Dòng 37} = \text{Dòng 33} + \text{Dòng 34} + \text{Dòng 35} - \text{Dòng 36}$$

- **Dòng 38 (Số người bị tạm giam đã giải quyết):** Thống kê số người thực tế đã được giải quyết ra khỏi nơi tạm giam bằng các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 39 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê số người được các cơ quan tố tụng hủy bỏ biện pháp tạm giam khi thấy không cần thiết, hủy bỏ biện pháp tạm giam khi áp dụng biện pháp tạm giam trái pháp luật. Không thống kê những trường hợp hủy bỏ biện pháp tạm giam rồi sau đó trả tự do khi có quyết định đình chỉ.

- **Dòng 40 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê số người được cơ quan có thẩm quyền thay thế biện pháp tạm giam đang áp dụng bằng một biện pháp ngăn chặn khác không phải là tạm giam, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 41 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê số người bị tạm giam được trả tự do khi có quyết định đình chỉ bị can của cơ quan có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 42 (Phân tổ của Dòng 41):** Thống kê số người bị tạm giam được trả tự do khi có quyết định đình chỉ bị can xác định hành vi không vi phạm pháp luật hình sự trong kỳ thống kê.

- **Dòng 43 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa, bao gồm những trường hợp: bị cáo không có tội; bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt; bị cáo bị xử phạt bằng các hình phạt không phải hình phạt tù; bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo; thời hạn phạt tù ngắn hơn hoặc bằng thời hạn mà bị cáo đã bị tạm giam....

- **Dòng 44 (Phân tổ của Dòng 43):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa do bị cáo không phạm tội

- **Dòng 45 (Phân tổ của Dòng 43):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa khi bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt.

- **Dòng 46 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát áp dụng điểm d khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và điểm d khoản 2, Điều 42 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giam khi người đó bị tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 47 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù có thời hạn mà bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã có quyết định thi hành án đang trong thời gian chờ quyết định để đưa đi chấp hành án của cơ quan có thẩm quyền thì hết thời hạn tù mà Tòa án đã tuyên.

- **Dòng 48 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án đang bị tạm giam đã được đưa đi chấp hành án ở trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam hoặc nhà tạm giữ.

- **Dòng 49 (Phân tổ của Dòng 38):** Thống kê những trường hợp tại thời điểm kết thúc kỳ thống kê đã trích xuất ra khỏi nơi giam sau khi có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 50 (Tổng số người đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh ở các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này nhưng đến cuối kỳ thống kê này vẫn đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- **Dòng 51 (Số quá hạn tạm giam đã giải quyết):** Thống kê những trường hợp tạm giam đã giải quyết nhưng đã quá hạn tạm giam tính đến ngày giải quyết.

- **Các Dòng 52, 53, 54:** Phân tổ của Dòng 51 nên sẽ thống kê vào dòng tương ứng (Căn cứ vào việc hồ sơ đang ở cơ quan nào để làm căn cứ thống kê).

- **Dòng 55 (Số người bị tạm giam chết trong kỳ):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê bao gồm số đang bị tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và số tạm giam chờ chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 56, 57:** Phân tổ của Dòng 55 nên sẽ thống kê vào dòng tương ứng (Căn cứ vào kết luận giám định để thống kê).

- **Dòng 58 (Số người bị tạm giam trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tất cả những trường hợp trốn ở các kỳ thống kê và tại kỳ thống kê này đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 59 (Phân tổ của Dòng 58):** Thống kê số người bị tạm giam trốn trong kỳ thống kê và chưa bắt lại được.

- **Dòng 60 (Số người còn bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người còn đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 61 (Phân tổ của Dòng 60):** Thống kê số người còn đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê nhưng đã quá hạn tạm giam. Căn cứ theo thời hạn ghi trong lệnh tạm giam, quyết định tạm giam, quyết định gia hạn tạm giam để xác định việc quá hạn. Đồng thời căn cứ vào việc hồ sơ vụ án đang do cơ quan nào giữ để xem xét trách nhiệm.

- **Các Dòng 62, 63, 64 (Phân tổ của Dòng 61)** nên sẽ thống kê vào các dòng tương ứng, cụ thể:

+ **Dòng 62:** Thống kê số bị can chưa kết thúc điều tra (hồ sơ vụ án đang do cơ quan điều tra thụ lý) đang bị tạm giam quá hạn tính đến cuối kỳ thống kê.

+ **Dòng 63:** Thống kê số bị can CQĐT đã kết thúc điều tra chuyển hồ sơ sang VKS nhưng VKS chưa ban hành cáo trạng truy tố (hồ sơ vụ án đang do VKS thụ lý giải quyết) đang bị tạm giam quá hạn tính đến cuối kỳ thống kê.

+ **Dòng 64:** Thống kê số bị can VKS đã ban hành quyết định truy tố và đã chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án, Tòa án chưa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (hồ sơ đang do Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đang thụ lý) đang bị tạm giam quá hạn tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 65 (Số bị án tử hình đang tạm giam):** Thống kê tất cả những trường hợp đã bị Tòa án tuyên phạt tử hình (tính cả những trường hợp đang kháng cáo, kháng nghị, bản án chưa có hiệu lực pháp luật và những trường hợp đã có quyết định thi hành án) đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 67 (Số người bị tạm giữ bị quá hạn; tạm giữ không có căn cứ, trái pháp luật):** Thống kê tất cả số người bị tạm giữ nhưng quá thời hạn; thống kê số người bị tạm giữ không có lệnh, QĐ của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành...

- **Dòng 68 (Phân tổ của Dòng 67):** Thống kê số người bị tạm giữ nhưng quá thời hạn; thống kê số người bị tạm giữ không có lệnh, QĐ của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành... và VKS đã yêu cầu xử lý hoặc tự xử lý...

- **Dòng 69 (Số người bị tạm giam bị quá hạn; tạm giam không có căn cứ, trái pháp luật):** Thống kê tất cả số người bị tạm giam nhưng quá thời hạn; thống kê số người bị tạm giam không có lệnh, QĐ của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành...

- **Dòng 70 (Phân tổ của Dòng 69):** Thống kê số người bị tạm giam nhưng quá thời hạn; thống kê số người bị tạm giam không có lệnh, QĐ của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành... và VKS đã yêu cầu xử lý hoặc tự xử lý...

- **Dòng 71 (Số lần VKS gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần VKS đã gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam trong kỳ thống kê. Việc gặp hỏi phải được thể hiện bằng phiếu kiểm sát có ghi chép lại việc gặp hỏi đối với người bị tạm giữ, tạm giam và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

- **Dòng 72 (Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát thường kỳ và đột xuất phân trại tạm giam, buồng tạm giữ của Đoàn biên phòng có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã trực tiếp kiểm sát thường kỳ và đột xuất tại phân trại tạm giam, buồng tạm giữ của Đoàn biên phòng có kết luận (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát thường kỳ và đột xuất nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

- **Dòng 73 (Phân tổ của Dòng 72):** Thống kê đối với các trường hợp kiểm sát đột xuất.

- **Dòng 74 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát thường kỳ và đột xuất trại tạm giam có kết luận):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát thường kỳ đột xuất tại trại tạm giam và đã có kết luận (trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát thường kỳ và đột xuất nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

- **Dòng 75 (Phân tổ của Dòng 74):** Thống kê đối với các trường hợp kiểm sát đột xuất.

Lưu ý: Đơn vị nào ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và ban hành kết luận thì đơn vị đó thống kê. Nếu VKS cấp trên ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và phối hợp với VKS cấp dưới tiến hành kiểm sát, kết thúc cuộc kiểm sát VKS cấp trên ban hành kết luận thì VKS cấp trên thống kê, VKS cấp dưới không thống kê.

- **Dòng 76 (Số văn bản VKS yêu cầu trong hoạt động kiểm sát tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số văn bản VKS yêu cầu trong hoạt động kiểm sát tạm giữ, tạm giam như: Yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu, tự kiểm tra; yêu cầu khởi tố vụ án hình sự... liên quan đến công tác tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 77 (Phân tổ của Dòng 76):** Thống kê số văn bản Viện kiểm sát đã yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam... tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát.

- **Dòng 78 (Phân tổ của Dòng 76):** Thống kê số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu khởi tố vụ án hình sự... xảy ra trong hoạt động liên quan đến việc tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 79 (Số văn bản VKS yêu cầu trong hoạt động kiểm sát tạm giữ, tạm giam không được chấp nhận):** Thống kê số văn bản VKS yêu cầu trong hoạt động kiểm sát tạm giữ, tạm giam như: Yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu, tự kiểm tra; yêu cầu khởi tố vụ án hình sự... liên quan đến công tác tạm giữ, tạm giam nhưng không được Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam... chấp nhận thực hiện.

- **Dòng 80 (Phân tổ của Dòng 79):** Thống kê số văn bản yêu cầu khởi tố vụ án hình sự liên quan hoạt động tạm giữ, tạm giam nhưng không được Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam... chấp nhận.

- **Dòng 81 (Số vụ án Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố khi kiểm sát tạm giam tạm giữ):** Thống kê số vụ án Viện kiểm sát trực tiếp ban hành QĐ khởi tố vụ án hình sự thông qua công tác kiểm sát về tạm giam tạm giữ tại nhà tạm giữ, trại tạm giam...

- **Dòng 82 (Số bản kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kiến nghị Viện kiểm sát đã ban hành thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam. Chỉ thống kê số bản kiến nghị bằng văn bản riêng đã ban hành trong kỳ thống kê, không thống kê những trường hợp kiến nghị trong bản kết luận kiểm sát trực tiếp. Nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kiến nghị.

- **Dòng 83 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kiến nghị trong kỳ thống kê, kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 84 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 85 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong việc thi hành tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật, trong kỳ thống kê. Chỉ thống kê số bản kiến nghị bằng văn bản riêng đã ban hành trong kỳ thống kê, không thống kê những trường hợp kiến nghị trong bản kết luận kiểm sát trực tiếp. Nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kiến nghị.

- **Dòng 86 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kiến nghị trong kỳ thống kê, kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 87 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 88 (Số bản kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kháng nghị Viện kiểm sát đã ban hành thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam. Chỉ thống kê số bản kháng nghị bằng văn bản riêng đã ban hành trong kỳ thống kê, không thống kê những trường hợp kháng nghị trong bản kết luận kiểm sát trực tiếp. Nếu một bản kháng nghị mà kháng nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kháng nghị.

- **Dòng 89 (Phân tổ của Dòng 88):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cùng cấp đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 90 (Phân tổ của Dòng 89):** Thống kê số kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới.

- **Dòng 91 (Phân tổ của Dòng 88):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 92 (Phân tổ của Dòng 91):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới.

- **Dòng 93 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kháng nghị, kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 94 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 95 (Số cuộc kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu đã có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát đối với cơ quan đang tạm giữ, tạm giam đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm tra nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

- **Dòng 96 (Số báo cáo thỉnh thị VKS đã tiếp nhận):** thống kê số báo cáo thỉnh thị của VKS cấp dưới, VKS cấp trên đã nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 97 (Số trả lời thỉnh thị đúng hạn):** thống kê số thỉnh thị mà VKS cấp trên đã trả lời VKS cấp dưới theo đúng thời hạn quy định.

- **Dòng 98 (Số thông báo rút kinh nghiệm):** Thống kê số thông báo rút kinh nghiệm bằng văn bản VKS đã ban hành trong kỳ thống kê (nội dung phân tích, tổng hợp những vi phạm pháp luật, thiếu sót trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, mà các cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam hay mắc phải để không tái diễn). Mỗi bản thông báo chỉ tính 01 lần, có nghĩa là nếu trong thông báo rút kinh nghiệm có nêu ra nhiều vấn đề khác nhau thì cũng chỉ được tính là 01 bản thông báo rút kinh nghiệm.

- **Dòng 102 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án chưa ra quyết định thi hành án kỳ trước chuyển qua):** Thống kê những người bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” số pháp nhân thương mại bị tuyên phạt hình phạt chính là “phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn” mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật ở kỳ thống kê trước nhưng chưa có quyết định thi hành án chuyển qua.

- **Dòng 103 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án mới phát sinh trong kỳ chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê những người bị

Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” số pháp nhân thương mại bị tuyên phạt hình phạt chính là “phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn” mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 104 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án nhận ủy thác ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án nơi thực hiện thống kê đã nhận ủy thác của Tòa án nơi khác để ra quyết định thi hành án.

- **Dòng 105 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án ủy thác đi nơi khác ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án, số pháp nhân thương mại bị kết án mà Tòa án đã xét xử sơ thẩm đã có quyết định ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án.

- **Dòng 106 (Tổng số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê tổng số người, pháp nhân thương mại mà Tòa án tuyên bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa ra quyết định thi hành án.

$$\text{Dòng 106} = \text{Dòng 102} + \text{Dòng 103} + \text{Dòng 104} - \text{Dòng 105}$$

- **Dòng 107 (Phân tổ của Dòng 106):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù chung thân mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của kỳ thống kê trước nhưng chưa ra quyết định thi hành án và số người bị tuyên phạt tù chung thân mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 108 ((Phân tổ của Dòng 106):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của kỳ thống kê trước nhưng chưa ra quyết định thi hành án và số người bị tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 109 (Số người bị kết án chết khi chưa có quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa có quyết định thi hành án bị chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 110 (Số người chưa có quyết định thi hành án phạm tội mới):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án bản án đã có hiệu lực pháp luật trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định thi hành án lại phạm tội mới.

- **Dòng 111 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị kết án mà hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” số pháp nhân thương mại bị tuyên phạt hình phạt chính là “phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn” Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 112 (Phân tổ của Dòng 111):** Thống kê số người bị kết án mà hình phạt chính cao nhất là tù chung thân Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 113 (Phân tổ của Dòng 111):** Thống kê số người bị kết án mà hình phạt chính là tù có thời hạn Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 114 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án chưa ra quyết định thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án chưa ra quyết định thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê.

Dòng 114 = Dòng 106 – Dòng 109 – Dòng 110 – Dòng 111

- **Dòng 115 (Phân tổ của 114):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án chưa ra quyết định thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê nhưng đã quá hạn theo quy định tại Điều 364 Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Dòng 117 (Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án của kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi đến nơi thi hành án.

Những trường hợp đã hết thời hạn hoãn thi hành án mà không được tiếp tục hoãn, những trường hợp Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định hoãn thi hành án cũng thống kê vào dòng này.

- **Dòng 118 (Số đã có quyết định thi hành án nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án mà nơi khác chuyển đến để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 119 (Số đã có quyết định thi hành án chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng chuyển đi nơi khác để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 120 (Tổng số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án phải đưa đi thi hành án):** Tổng số = Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê + Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án của kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi thi hành án + Số đã có quyết định thi hành án nơi khác chuyển đến - Số đã có quyết định thi hành án chuyển đi nơi khác.

- **Dòng 121 (Số người chấp hành án được Tòa án giám đốc thẩm, Tái thẩm hủy án, tuyên không phạm tội):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án (nhưng chưa đi thi hành án) mà Tòa án giám đốc thẩm, Tái thẩm tuyên hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra, xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 122 (Số người chấp hành án được hoãn chấp hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng được hoãn chấp hành án trong kỳ thống kê. Quyết định thi hành án có thể trong kỳ thống kê, cũng có thể khác kỳ thống kê. Đối với những trường hợp đã có quyết định thi hành án nhưng ngay trong kỳ thống kê đó Tòa án có thẩm quyền lại ra quyết định hủy quyết định hoãn thi hành án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 123 (Số người chấp hành án được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đi chấp hành án được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê. Quyết định thi hành án có thể trong kỳ thống kê, cũng có thể khác kỳ thống kê.

- **Dòng 124 (Số người chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt):** Thống kê số người đã có quyết định miễn chấp hành hình phạt của Tòa án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 125 (Phân tổ của Dòng 124):** Thống kê số người đã có quyết định miễn chấp hành hình phạt tù của Tòa án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 126 (Số người chấp hành án được hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án có thẩm quyền đã có quyết định cho họ không phải thi hành bản án đã tuyên do được hưởng thời hiệu, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 127 (Phân tổ của Dòng 126):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù mà Tòa án có thẩm quyền đã có quyết định cho họ không phải thi hành hình phạt tù đã tuyên do được hưởng thời hiệu, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 128 (Số người chấp hành án chết sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 129 (Số người chấp hành án trốn sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê những trường hợp đã có quyết định thi hành án nhưng trong thời gian chờ chuyển đi chấp hành án thì bỏ trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 130 (Số người đã có quyết định thi hành án phạm tội mới):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án bản án đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đi chấp hành án lại phạm tội mới, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 131 (Số người chấp hành án đã đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án sau khi có quyết định thi hành án đã được đưa đi thi hành án tại Trại giam, Trại tạm giam hoặc đã được bàn giao cho cơ quan tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục hoặc trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- **Dòng 132 (Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án còn lại chưa đi thi hành án đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án đến cuối kỳ thống kê nhưng chưa đưa đi chấp hành án.

Dòng 132 = Dòng 120 - Dòng 121- Dòng 122 - Dòng 123 - Dòng 124 - Dòng 126- Dòng 128 - Dòng 129- Dòng 130 - Dòng 131.

- **Dòng 133 (Số người hoãn chấp hành án còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người được Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù của các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 134 (Tổng số người được hoãn chấp hành án):** Thống kê tổng số người được Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù tính đến cuối kỳ thống kê, số này bao gồm cả số hoãn của các kỳ thống kê trước và số mới được hoãn trong kỳ thống kê.

- **Dòng 135 (Số người được hoãn chấp hành án chết trong thời gian được hoãn chấp hành án):** Thống kê số người đang được hoãn chấp hành án chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 136 (Số người được hoãn chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt trong thời gian được hoãn chấp hành án):** Thống kê số người được miễn chấp hành hình phạt tù trong thời gian đang hoãn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 137 (Số người được hoãn chấp hành án bị Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định hoãn chấp hành án):** Thống kê số người đang được

hoãn thi án nhưng trong thời gian hoãn lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 138 (Số đã hết thời hạn hoãn chấp hành án):** Thống kê số người đã hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù trong kỳ thống kê.

- **Dòng 139 (Phân tổ của Dòng 138):** Thống kê số người đã hết thời hạn được hoãn chấp hành án phạt tù đã có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền (tính cả những trường hợp bị áp giải) để chấp hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 140 (Tổng số người chấp hành án tù có thời hạn đang được hoãn thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tất cả những trường hợp đang được hoãn thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 140} = \text{Dòng 134} - \text{Dòng 135} - \text{Dòng 136} - \text{Dòng 137} - \text{Dòng 138}.$$

- **Dòng 143 (Số người bị kết án tử hình đã có quyết định thi hành án kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án tử hình còn lại của kỳ thống kê trước chuyển sang, bao gồm cả số trốn chưa bắt lại được của các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 144 (Số người bị kết án tử hình mới có quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình mới có quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 145 (Tổng số người bị kết án tử hình đã có quyết định thi hành án):** Thống kê tổng số người bị Tòa án tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án (Tổng số = Số người bị kết án án đã có quyết định thi hành án kỳ thống kê trước chuyển sang + Số người bị kết án mới có quyết định thi hành án).

- **Dòng 146 (Số người bị kết án tử hình hoãn thi hành án tử hình trong kỳ thống kê):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án nhưng được hoãn thi hành án tử hình, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 147 (Số người bị kết án tử hình đã có quyết định thi hành án được giảm xuống hình phạt khác):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng được cơ quan có thẩm quyền giảm án xuống hình phạt khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 148 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án chết trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng chưa thi hành án chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 149 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án trốn trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tù hình đã có quyết định thi hành án đã trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 150 (Số đã thi hành án tử hình trong kỳ thống kê):** Thống kê những trường hợp đã thi hành xong hình phạt tử hình, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 151 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án còn lại chưa thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng chưa thi hành tính đến cuối kỳ thống kê, bao gồm cả số hoãn (Dòng 152), trốn (Dòng 153) chưa bắt lại được.

- **Dòng 152, 153 (Phân tổ của Dòng 151).**

Dòng 151 = Dòng 145 – Dòng 146 – Dòng 147 – Dòng 148.

- **Dòng 155 (Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù chung thân ở trại giam. Những trường hợp phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này bắt lại được thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 156 (Số phạm nhân mới):** Thống kê số phạm nhân mới đưa vào trại giam chấp hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 157 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân nơi khác chuyển đến.

- **Dòng 158 (Phân tổ của Dòng 157).**

- **Dòng 159 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân chuyển đi nơi khác để chấp hành án hoặc phục vụ công tác khác như điều tra, truy tố, xét xử... trong kỳ thống kê.

- **Dòng 160 (Phân tổ của Dòng 159).**

- **Dòng 161 (Tổng số phạm nhân):** Thống kê tổng số phạm nhân chấp hành án phạt tù chung thân tại trại giam.

Dòng 161 = Dòng 155+ Dòng 156 + Dòng 157– Dòng 159

- **Dòng 162 (Phân tổ của Dòng 161):** Thống kê số phạm nhân đã có quyết định của Tòa án có thẩm quyền quyết định giảm án thành án phạt tù có thời hạn, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 163 (Số phạm nhân chết):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tù chung thân chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 164, 165 (Phân tổ của Dòng 163):** Căn cứ vào kết luận giám định để xác định nguyên nhân chết.

- **Dòng 166 (Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù chung thân nhưng bỏ trốn khỏi trại giam trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 167 (Số phạm nhân giảm xuống tù có thời hạn đã chấp hành xong):** Thống kê số phạm nhân tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn và đã chấp hành xong thời hạn tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 168 (Phân tổ của Dòng 167):** Được đặc xá.

- **Dòng 169 (Số phạm nhân được Tòa án trả tự do):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân nhưng được Tòa án có thẩm quyền (cấp giám đốc thẩm, tái thẩm) tuyên hủy bản án đã tuyên phạt tù chung thân và trả tự do cho người đang chấp hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 170 (Số phạm nhân đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tù chung thân tại trại giam. Số này không bao gồm số trốn ở dòng dưới.

Dòng 170 = Dòng 161 – Dòng 163 – Dòng 166 – Dòng 167 – Dòng 169.

- **Dòng 171 (Số phạm nhân trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số phạm nhân chấp hành án phạt tù chung thân trốn ở các kỳ thống kê khác nhau nhưng đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 173 (Số phạm nhân Tù có thời hạn kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam và nhà tạm giữ, bao gồm cả phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước kỳ thống kê này bắt lại được, những phạm nhân đã đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và cơ sở chữa bệnh đã bàn giao lại cho trại giam, trại tạm giam, những trường hợp người tạm đình chỉ chấp hành án tiếp tục thi hành án, những trường hợp tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ bị Tòa án hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.

- **Dòng 174 (Số phạm nhân đến chấp hành án do bị Tòa án hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người đó tiếp tục thi hành án):** Thống kê những trường hợp được tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng vi phạm nghĩa vụ bị Tòa án hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

đối với người đó và buộc họ phải chấp hành hình phạt tù còn lại chưa chấp hành và người đó đã đến chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 175 (Số phạm nhân mới):** Thống kê số phạm nhân chấp hành án phạt tù có thời hạn mới được đưa vào chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 176 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn nơi khác chuyển đến, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 177 (Phân tổ của Dòng 176).**

- **Dòng 178 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn chuyển đi nơi khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 179 (Phân tổ của Dòng 178).**

- **Dòng 180 (Tổng số phạm nhân):** Thống kê tổng số phạm nhân phải thi hành án trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

$\text{Dòng 180} = \text{Dòng 173} + \text{Dòng 174} + \text{Dòng 175} + \text{Dòng 176} - \text{Dòng 178}.$

- **Dòng 181 (Số phạm nhân đã chấp hành án xong):** Thống kê những trường hợp chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do; Giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại (đối với trường hợp này tính cả những trường hợp được giảm đột xuất), trả tự do; đặc xá tha tù trước thời hạn; những trường hợp được miễn chấp hành án phạt tù....

- **Dòng 182 (Phân tổ của Dòng 181):** Được đặc xá.

- **Dòng 183 (Số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân đã được Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 184 (Số phạm nhân được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành án hình sự):** Thống kê những trường hợp đã trả tự do sau khi có quyết định của Viện kiểm sát trả tự do ngay cho người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 185 (Số phạm nhân được Tòa án trả tự do):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhưng được Tòa án có thẩm quyền (cấp giám đốc thẩm, tái thẩm) tuyên trả tự do cho người đang chấp hành án.

- **Dòng 186 (Số phạm nhân có QĐ hủy bản án, QĐ thi hành án):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhưng được

Tòa án có thẩm quyền (cấp giám đốc thẩm, tái thẩm) tuyên hủy bản án, QĐ thi hành án đã tuyên phạt tù có thời hạn và trả tự do cho người đang chấp hành án.

- **Dòng 187 (Số phạm nhân chết):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 188, 189 (Phân tổ của Dòng 187):** Căn cứ vào kết luận giám định để xác định nguyên nhân chết.

- **Dòng 190 (Số phạm nhân trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này nhưng đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 191 (Phân tổ của Dòng 190):** Thống kê số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 192 (Số phạm nhân áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê):** thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù mà trong kỳ thống kê đã áp dụng biện pháp chữa bệnh tại các cơ sở chữa bệnh.

Đối với những phạm nhân đã có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê nhưng ngay trong kỳ thống kê đó lại ra quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và đã tiếp tục chấp hành án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 193 (Tổng số phạm nhân đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này, tính đến thời điểm thống kê vẫn đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- **Dòng 194 (Số phạm nhân đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam, trại tạm giam và nhà tạm giữ.

Dòng 194 = Dòng 180 – Dòng 181 – Dòng 183 – Dòng 184 – Dòng 185 – Dòng 186 – Dòng 187 – Dòng 192.

Lưu ý: Số này không bao gồm số trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 195 (Phân tổ của Dòng 194).**

- **Dòng 196 (Số tạm đình chỉ chấp hành án còn lại của kỳ trước):** Thống kê số phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án của kỳ thống kê trước chuyển qua.

- **Dòng 197 (Số phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân đã ra khỏi nơi chấp hành án sau khi có quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù của Tòa án hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 198 (Số tạm đình chỉ đã tiếp tục thi hành án):** Thống kê số người được tạm đình chỉ đã có mặt tại nơi chấp hành án theo đúng quy định hoặc số tạm đình chỉ trốn đã bắt lại và tiếp tục chấp hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 199 (Số tạm đình chỉ được miễn chấp hành án):** Thống kê số người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đã có quyết định được miễn chấp hành hình phạt tù còn lại, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 200 (Số tạm đình chỉ chết):** Thống kê số phạm nhân được tạm đình chỉ chết trong kỳ thống kê. Căn cứ vào quyết định đình chỉ thi hành án của Tòa án có thẩm quyền sau khi nhận được thông báo của cơ quan quản lý người được tạm đình chỉ thi hành án chết để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 201 (Số tạm đình chỉ trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê những người được tạm đình chỉ chấp hành án trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 202 (Tổng số tạm đình chỉ trốn đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê tổng số người đang tạm đình chỉ chấp hành án trốn chưa bắt lại. Số trốn có thể trong kỳ thống kê hoặc ở các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 203 (Phân tổ của Dòng 202).**

- **Dòng 204 (Tổng số tạm đình chỉ trốn đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được).**

- **Dòng 206 (Số án treo còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù cho hưởng án treo đang bị giám sát, giáo dục của kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 207 (Số mới):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù cho hưởng án treo phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào thời điểm giao, nhận hồ sơ giữa cơ quan thi hành án có thẩm quyền và cơ quan được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 208 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án treo nơi khác chuyển đến do thay đổi nơi cư trú, làm việc, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 209 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án treo chuyển đi nơi khác do thay đổi nơi cư trú, làm việc trong kỳ thống kê.

- **Dòng 210 (Tổng số án treo):** Thống kê tổng số người phải thi hành án treo đang bị giám sát, giáo dục. Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác.

$$\text{Dòng 210} = \text{Dòng 206} + \text{Dòng 207} + \text{Dòng 208} - \text{Dòng 209}.$$

- **Dòng 211 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 212 (Số Tòa án tuyên hủy bản án đã tuyên phạt án treo):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án treo mà Tòa án có thẩm quyền quyết định hủy bản án đã tuyên phạt án treo và đình chỉ vụ án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 212 (Số Tòa án tuyên hủy bản án đã tuyên phạt án treo):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án treo mà Tòa án có thẩm quyền quyết định hủy bản án đã tuyên phạt án treo chuyển án treo sang tù giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 213 (Số bị Tòa án sửa bản án chuyển hình phạt tù phạt tù cho hưởng án treo sang tù giam):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án treo mà Tòa án có thẩm quyền quyết định sửa bản án đã tuyên phạt án treo chuyển án treo sang tù giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 214, 215, 216, 217:** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án treo mà phạm tội mới; vi phạm nghĩa vụ bị buộc phải chấp hành hình phạt tù; chết và thay đổi nơi cư trú.

- **Dòng 218 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người bị phạt tù được hưởng án treo đang bị giám sát, giáo dục tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 218} = \text{Dòng 210} - \text{Dòng 211} - \text{Dòng 212} - \text{Dòng 213} - \text{Dòng 214} - \text{Dòng 215} - \text{Dòng 216}.$$

- **Dòng 220 (Số thi hành hình phạt trực xuất còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành hình phạt trực xuất của kỳ thống kê trước chuyển qua, bao gồm cả những trường hợp người bị trực xuất trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 221 (Số mới):** Thống kê số người có quyết định thi hành hình phạt trực xuất trong kỳ thống kê.

Đối với người bị trục xuất chết trong thời gian chờ xuất cảnh thì xem xét là số mới hay số cũ mà giảm số cũ hoặc mới.

- **Dòng 222 (Tổng số):** Thống kê tổng số người bị trục xuất, bao gồm số cũ và số mới (Dòng 222 = Dòng 220 + Dòng 221).

- **Dòng 223 (Số đã trục xuất):** Thống kê số người chấp hành án phạt trục xuất đã rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trong kỳ thống kê (Căn cứ vào thông báo đã thi hành xong hình phạt trục xuất của cơ quan thi hành án hình sự gửi cho các cơ quan có thẩm quyền).

- **Dòng 224 (Số còn lại chưa bị trục xuất tính đến cuối kỳ thống kê):**

$$\text{Dòng 224} = \text{Dòng 222} - \text{Dòng 223}.$$

- **Dòng 226 (Số CTKGG còn lại của kỳ trước):** Là số người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ của kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 227 (Số mới):** Là số phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào thời điểm giao, nhận hồ sơ giữa cơ quan thi hành án có thẩm quyền và cơ quan được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 228 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ nơi khác chuyển đến do thay đổi nơi cư trú, làm việc, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 229 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ chuyển đi nơi khác do thay đổi nơi cư trú, làm việc trong kỳ thống kê.

- **Dòng 230 (Tổng số):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt cải tạo không giam giữ. Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác.

$$\text{Dòng 230} = \text{Dòng 226} + \text{Dòng 227} + \text{Dòng 228} - \text{Dòng 229}.$$

- **Dòng 231 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 232 (Số được Tòa án tuyên hủy bản án đã tuyên phạt CTKGG):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ nhưng được Tòa án Phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án đã tuyên phạt cải tạo không giam giữ và đình chỉ vụ án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 233 (Số bị Tòa án tuyên hủy hình phạt CTKGG chuyển sang hình phạt khác):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ nhưng Tòa án phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy hình phạt cải tạo không giam giữ và chuyển sang hình phạt khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 234 (Số phạm tội mới):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ phạm thêm tội mới, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 235, 236 (Số đang thi hành cải tạo không giam giữ chết):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị chết, thay đổi nơi cư trú trong kỳ thống kê.

- **Dòng 237 (Số đang thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người bị phạt cải tạo không giam giữ đang bị giám sát, giáo dục tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 239 (Số cấm cư trú còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang chấp hành án không được tạm trú, thường trú ở một số địa phương nhất định của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 240 (Số mới):** Thống kê số người chấp hành án phạt cấm cư trú mới phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào ngày bàn giao hồ sơ giữ cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện với ủy ban nhân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú để làm cơ sở thống kê.

Lưu ý: Đối với người đang chấp hành án phạt cấm cư trú chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 241 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới.

$$\text{Dòng 241} = \text{Dòng 239} + \text{Dòng 240}.$$

- **Dòng 242 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, trong kỳ thống kê (kể cả những trường hợp đã được Tòa án miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại).

- **Dòng 243 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người đang chấp hành án phạt cấm cư trú tính đến cuối kỳ thống kê. (Dòng 243 = Dòng 241 – Dòng 242).

- **Dòng 245 (Số Quản chế còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang chấp hành án phạt quản chế buộc phải cư trú, làm ăn, sinh sống, ở một địa phương nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương, của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 246 (Số mới):** Thống kê số người chấp hành án phạt quản chế mới phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào ngày giao người chấp hành án giữ cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện với ủy ban nhân cấp xã nơi người đó về cư trú để làm cơ sở thống kê.

Lưu ý: Đối với người đang chấp hành án phạt quản chế chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 247 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới

$$\text{Dòng 247} = \text{Dòng 245} + \text{Dòng 246}.$$

- **Dòng 248 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm quản chế, trong kỳ thống kê (kể cả những trường hợp đã được Tòa án miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại).

- **Dòng 249 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người đang thi hành án phạt quản chế tính đến cuối kỳ thống kê. Số đang chấp hành án = Tổng số - Số đã chấp hành xong (Dòng 249 = Dòng 247 – Dòng 248).

- **Dòng 251 (Số trường hợp Tước một số quyền công dân còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt bổ sung là bị tước bỏ một hoặc một số quyền công dân ở các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 252 (Số mới):** Thống kê số người mới thi hành án phạt tước một số quyền công dân phát sinh trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Đối với người đang chấp hành án phạt tước một số quyền công dân chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 253 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới

$$\text{Dòng 253} = \text{Dòng 251} + \text{Dòng 252}.$$

- **Dòng 254 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tước một số quyền công dân, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 255 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt tước một số quyền công dân tính đến cuối kỳ thống kê (Dòng 255 = Dòng 253 – Dòng 254).

- **Dòng 257 (Số trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ... còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang bị cơ quan có thẩm quyền buộc không được

đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 258 (Số mới):** Thống kê số người thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định mới phát sinh trong kỳ thống kê.

- **Dòng 259 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới.

$$\text{Dòng 259} = \text{Dòng 257} + \text{Dòng 258}.$$

- **Dòng 260 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 261 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định tính đến cuối kỳ thống kê ($\text{Dòng 261} = \text{Dòng 259} - \text{Dòng 260}$).

- **Dòng 263 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động có thời hạn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa thi hành án.

- **Dòng 264, 265, 266 (Phân tổ của Dòng 263).**

- **Dòng 267 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động có thời hạn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 268, 269, 270 (Phân tổ của Dòng 267).**

- **Dòng 271 (Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án):** Thống kê tổng số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động có thời hạn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Tổng số = Số chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang + Số mới phát sinh trong kỳ thống kê ($\text{Dòng 268} = \text{Dòng 263} + \text{Dòng 267}$).

- **Dòng 272, 273, 274 (Phân tổ của Dòng 271).**

- **Dòng 275 (Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động có thời hạn đã tạm dừng hoạt động đối với ngành, nghề trong một số lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền và đã có giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt của cơ quan thi hành án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 276, 277, 278 (Phân tổ của Dòng 275).**

- **Dòng 279 (Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại chưa tạm dừng hoạt động đối với ngành, nghề trong một số lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tính đến cuối kỳ thống kê (Dòng 279 = Dòng 271 – Dòng 275).

- **Dòng 280, 281, 282, 283 (Phân tổ của Dòng 279).**

- **Dòng 285:** Thống kê số lần VKS gặp hỏi phạm nhân trong kỳ thống kê.

- **Dòng 286 (Số quyết định của Tòa án có vi phạm):** Thống kê số quyết định thi hành án (gồm tất cả các quyết định thi hành án đối với các loại hình phạt), quyết định liên quan đến thi hành án như: quyết định hoãn thi hành án, quyết định tạm đình chỉ thi hành án, quyết định miễn thi hành án... của Tòa án có vi phạm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 287 (Số người bị kết án Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

- **Dòng 288 (Số người bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 289 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị hoãn thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định hoãn thi hành án.

- **Dòng 290 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án theo đề nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định hoãn thi hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 291 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định miễn chấp hành hình phạt.

- **Dòng 292 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 293 (Phân tổ của Dòng 292).**

- **Dòng 294 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị xét hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án xét hưởng thời hiệu.

- **Dòng 295 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định được hưởng thời hiệu theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định cho người đó được hưởng thời hiệu trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 296 (Phân tổ của Dòng 295).**

- **Dòng 297 (Số người Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ việc chấp hành án.

- **Dòng 298 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo đề nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê theo đề nghị của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 299 (Số văn bản VKS yêu cầu trong hoạt động kiểm sát thi hành án hình sự):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê và đã gửi đến Tòa án yêu cầu thực hiện trong hoạt động thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần).

- **Dòng 300, 301, 302 (Phân tổ của Dòng 299).**

- **Dòng 303:** Thống kê số vụ án Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố khi kiểm sát thi hành án hình sự.

- **Dòng 304 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số phạm nhân Viện kiểm sát đã lập hồ sơ đề nghị cho phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong kỳ thống kê.

- **Dòng 305:** Thống kê số người chấp hành án được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù theo đề nghị của VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 306 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt còn lại trong thời gian người chấp hành án đang được tạm**

đình chỉ chấp hành hình phạt tù): Thống kê số người chấp hành án Viện kiểm sát đã lập hồ sơ đề nghị cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được miễn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 307:** Thống kê số người chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt tù theo đề nghị của Viện kiểm sát.

- **Dòng 308:** Thống kê số người chấp hành án đang tại ngoại không tự nguyện thi hành án và có đủ điều kiện nhưng cơ quan thi hành án chưa yêu cầu bắt, áp giải.

- **Dòng 309 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát yêu cầu Công an áp giải):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Công an áp giải người đó đến nơi chấp hành án.

- **Dòng 310 (Số người chấp hành án Công an đã áp giải theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Công an đã áp giải trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 311 (Số người Viện kiểm sát yêu cầu Công an truy nã):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Công an truy nã khi người đó bỏ trốn.

- **Dòng 312 (Số người chấp hành án Công an đã truy nã theo yêu cầu của VKS):** Thống kê số người chấp hành án mà Công an đã truy nã trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 313 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án cùng cấp tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp yêu cầu tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu)

- **Dòng 314 (Phân tổ của Dòng 313):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới...

- **Dòng 315 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp cung cấp tài liệu):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án cùng cấp cung cấp tài liệu liên quan đến việc thi hành án hình sự cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu).

- **Dòng 316 (Phân tổ của Dòng 315):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án cấp dưới cung cấp tài liệu...

- **Dòng 317 (Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành kết luận):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án cùng cấp (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát trực tiếp nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

- **Dòng 318 (Phân tổ của Dòng 317):** Thống kê số lần đã tiến hành kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án cấp dưới...

- **Dòng 319 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất cơ quan thi hành án hình sự):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát đột xuất tại cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và đã có kết luận.

- **Dòng 320 (Phân tổ của Dòng 319):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát đột xuất tại cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới...

Lưu ý: Đơn vị nào ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và ban hành kết luận thì đơn vị đó thống kê. Nếu VKS cấp trên ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và phối hợp với VKS cấp dưới tiến hành kiểm sát, kết thúc cuộc kiểm sát VKS cấp trên ban hành kết luận thì VKS cấp trên thống kê, VKS cấp dưới không thống kê.

- **Dòng 321 (Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp):** Thống kê số bản kiến nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị)

Lưu ý: Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 322 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 323 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 324 (Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số bản kiến nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị).

Lưu ý: Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 325 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 326 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 327 (Số bản kháng nghị cơ quan thi hành án):** Thống kê số bản kháng nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 328, 329, 330, 331 (Phân tổ của Dòng 327):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đình chỉ, hủy bỏ... việc thi hành...

- **Dòng 332 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 333 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 334: Thống kê số lần trực tiếp kiểm sát thường kỳ, đột xuất tại trại giam.**

- **Dòng 335 (Phân tổ của Dòng 334).**

- Dòng 336: Thống kê số lần trực tiếp kiểm sát thường kỳ, đột xuất phân quản lý phạm nhân thuộc trại giam.

- Dòng 337 (Phân tổ của Dòng 336).

Lưu ý: Chỉ thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã ra quyết định kiểm sát trực tiếp trại giam hoặc phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân. Đơn vị nào ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và ban hành kết luận thì đơn vị đó thống kê. Nếu VKS cấp trên ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và phối hợp với VKS cấp dưới tiến hành kiểm sát, kết thúc cuộc kiểm sát VKS cấp trên ban hành kết luận thì VKS cấp trên thống kê, VKS cấp dưới không thống kê.

- Dòng 338 (Số bản kiến nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân): Thống kê số bản kiến nghị đối với trại giam, trại tạm giam đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị).

Lưu ý: Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- Dòng 339 (Số bản kiến nghị được chấp nhận): Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của trại giam, trại tạm giam (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- Dòng 340 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận): Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của trại giam, trại tạm giam bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- Dòng 341 (Số bản kháng nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân): Thống kê số bản kháng nghị đối với trại giam, trại tạm giam đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- Dòng 342, 343, 344, 345 (Phân tổ của Dòng 341): Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án phạt tù yêu cầu trại giam, trại tạm giam cùng cấp đình chỉ, hủy... cùng cấp, cấp dưới... nên sẽ thống kê vào dòng tương ứng.

- Dòng 346 (Số bản kháng nghị được chấp nhận): Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận

một phần) trong kỳ thống kê của trại giam, trại tạm giam (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 347 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của trại giam, trại tạm giam bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 348 (Số phạm nhân VKS kiểm sát việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số phạm nhân đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù mà trại giam, trại tạm giam đã gửi tới Viện kiểm sát để Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, trong kỳ thống kê (việc xét giảm có thể là thường kỳ hoặc đột xuất).

- **Dòng 349 (Phân tổ của Dòng 348).**

- **Dòng 350:** Thống kê số phạm nhân VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù trong kỳ thống kê.

- **Dòng 351 (Phân tổ của Dòng 350).**

- **Dòng 352 (Số phạm nhân được xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù):** Thống kê số phạm nhân đã được Toà án có thẩm quyền quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 353 (Phân tổ của Dòng 352).**

- **Dòng 354 (Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân đề nghị tha tù trước thời hạn mà trại giam, trại tạm giam đã lập và gửi đến Viện kiểm sát để Viện kiểm sát xem xét và có ý kiến.

- **Dòng 355 (Phân tổ của Dòng 354).**

- **Dòng 356 (Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà tại phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện Kiểm sát viên trình bày quan điểm của Viện kiểm sát không chấp nhận việc tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với phạm nhân đó.

- **Dòng 357 (Phân tổ của Dòng 356).**

- **Dòng 358 (Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá):** Thống kê số phạm nhân Viện kiểm sát đã kiểm sát việc thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đặc xá, trong kỳ thống kê.

- Dòng 359 (Phân tổ của Dòng 358).

- Dòng 360 (Số phạm nhân Viện kiểm sát yêu cầu đưa ra khỏi danh sách đặc xá): Thống kê số phạm nhân mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách đặc xá khi thấy rằng phạm nhân đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá, trong kỳ thống kê.

- Dòng 361 (Phân tổ của Dòng 360).

- Dòng 362 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu trại giam, phân trại tự kiểm tra công tác thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát): Thống kê số văn bản Viện kiểm sát đã yêu cầu Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam...tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát.

- Dòng 363 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức tự kiểm tra công tác thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát): Thống kê số văn bản Viện kiểm sát đã yêu cầu ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát.

- Dòng 364 (Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát thường kỳ, đột xuất Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thi hành án hình sự đã ban hành kết luận): Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong việc thi hành án treo, cải tạo không giam giữ và các hình phạt khác, trong kỳ thống kê.

- Dòng 365 (Phân tổ của Dòng 364).

- Dòng 366 (Số bản kiến nghị UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức): Thống kê số bản kiến nghị mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức khắc phục vi phạm trong việc quản lý án treo, cải tạo không giam giữ và các hình phạt khác khác.

- Dòng 367 (Số bản kiến nghị được chấp nhận): Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan bị kiến nghị (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- Dòng 368 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận): Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 369 (Số bản kháng nghị UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức):** Thống kê số bản kháng nghị đối Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thi hành án hình sự mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 370 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan bị kháng nghị (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 371 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 372 (Số người VKS tham gia xét rút ngắn thời hạn thử thách đối với án treo):** Thống kê số người Viện kiểm sát tham gia phiên họp trong kỳ thống kê để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo (mỗi hồ sơ xét giảm là một người).

- **Dòng 373 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách án treo khi thấy rằng người đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét giảm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 374 (Phân tổ của Dòng 373).**

- **Dòng 375 (Số người được rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo):** Thống kê số người đang chấp hành án treo được Tòa án có thẩm quyền ra quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với họ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 376 (Số người Viện kiểm sát tham gia xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ):** Thống kê số người Viện kiểm sát tham gia phiên họp trong kỳ thống kê để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét giảm thời hạn và xét miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án cùng cấp (mỗi hồ sơ xét giảm là một người).

- **Dòng 377 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt CTKGG khi thấy rằng người đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét giảm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 378 (Phân tổ của Dòng 377).**

- **Dòng 379 (Số người được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ):** Thống kê số người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được Tòa án có thẩm quyền ra quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với họ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 380 (Số người Viện kiểm sát tham gia xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân VKS đã tham gia phiên họp xét tha tù trước thời hạn, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 381 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện khi thấy rằng người đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét giảm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 382 (Phân tổ của Dòng 381).**

- **Dòng 383 (Số người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được rút ngắn thời gian thử thách):** Thống kê số người được Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách của Tòa án có thẩm quyền quyết định rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại hoặc chấp nhận một phần đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 384 (Số bản kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm):** Thống kê số bản kiến nghị ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm trong việc ra quyết định thi hành án hình sự (nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một kiến nghị).

- **Dòng 385 (Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của Tòa án bị kiến nghị (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 386 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của Tòa án bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 387 (Số bản kháng nghị các quyết định của Tòa án):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê kháng nghị các quyết định của Tòa án liên quan đến việc thi hành án hình sự.

- Dòng 388, 389, 390, 391 (Phân tổ của Dòng 387).

- Dòng 392 (Số bản kháng nghị được chấp nhận): Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của Tòa án bị kháng nghị (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- Dòng 393 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận): Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của của Tòa án bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- Dòng 394 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong việc thi hành án): Thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong việc thi hành án, trong kỳ thống kê. Chỉ thống kê số bản kiến nghị bằng văn bản riêng đã ban hành trong kỳ thống kê, không thống kê những trường hợp kiến nghị trong bản kết luận kiểm sát trực tiếp. Nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kiến nghị.

- Dòng 395 (Số bản kiến nghị được chấp nhận): Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kiến nghị trong kỳ thống kê, kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- Dòng 396 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận): Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- Dòng 397 (Số báo cáo thỉnh thị VKS đã tiếp nhận): Thống kê số báo cáo thỉnh thị trong lĩnh vực thi hành án hình sự của VKS cấp dưới, VKS cấp trên đã nhận trong kỳ thống kê.

- Dòng 398 (Số trả lời thỉnh thị đúng hạn): Thống kê số thỉnh thị mà VKS cấp trên đã trả lời VKS cấp dưới theo đúng thời hạn quy định.

- Dòng 399 (Số thông báo rút kinh nghiệm): Thống kê số thông báo rút kinh nghiệm bằng văn bản VKS đã ban hành trong kỳ thống kê (nội dung phân tích, tổng hợp những vi phạm pháp luật, thiếu sót về thi hành án hình sự, mà các

cơ quan thi hành án hình sự hay mắc phải để không tái diễn). Mỗi bản thông báo chỉ tính 01 lần, có nghĩa là nếu trong thông báo rút kinh nghiệm có nêu ra nhiều vấn đề khác nhau thì cũng chỉ được tính là 01 bản thông báo rút kinh nghiệm.

Biểu số 08

Thông kê giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân

- **Dòng 1 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn lại của kỳ trước):** thông kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của kỳ thống kê trước Cơ quan điều tra chưa ban hành quyết định giải quyết (quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án).

- **Dòng 10 (Tổng số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phải giải quyết):** là Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn lại của kỳ trước chưa giải quyết + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phục hồi giải quyết + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mới nhận trong kỳ thống kê + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nơi khác chuyển đến - Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố chuyển đi nơi

- **Dòng 21 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố chưa giải quyết xong):** thông kê tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn lại tính đến cuối kỳ thống kê chưa ban hành các quyết định giải quyết (quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự).

- **Dòng 24 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết tính đến cuối kỳ thống kê):** thông kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao thụ lý, giải quyết đã ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết tính đến cuối kỳ thống kê (bao gồm Số tạm đình chỉ trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước, không tính các trường hợp tạm đình chỉ đã phục hồi giải quyết).

Lưu ý: Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết tính đến cuối kỳ thống kê = Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ giải quyết tính đến cuối kỳ thống kê liền trước + Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ trong kỳ thống kê - Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố phục hồi giải quyết.

Biểu số 09

Thống kê kết quả điều tra các vụ án hình sự của cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân

- **Dòng 1/ Dòng 5 (Số vụ án/ Số bị can còn lại của kỳ trước):** thống kê số vụ án/ số bị can mà Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao chưa kết thúc điều tra của kỳ thống kê trước chuyển sang kỳ thống kê này để tiếp tục điều tra.

- **Dòng 2/ Dòng 6 (Số vụ án/ Số bị can mới nhận để điều tra lại):** thống kê số vụ án/ số bị can (bị cáo) khởi tố ở các kỳ thống kê trước bị Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án và chuyển lại hồ sơ cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tiến hành điều tra lại theo quy định của pháp luật.

- **Dòng 3/ Dòng 7 (Số vụ án/ Số bị can mới nhận để điều tra bổ sung):** thống kê số vụ án/ số bị can (bị cáo) bị Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Tòa án sơ thẩm QĐ trả hồ sơ lại cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra bổ sung trong kỳ thống kê. Trường hợp CQĐT đề nghị truy tố và VKS trả hồ sơ bổ sung trong cùng kỳ thì không tính vào dòng này.

- **Dòng 4/ Dòng 8: (Số vụ án/ Số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ Số bị can đã tạm đình chỉ điều tra ở kỳ thống kê trước nay được phục hồi điều tra trong kỳ thống kê.

- **Dòng 9/ Dòng 11 (Số vụ án/ Số bị can mới khởi tố):** thống kê số vụ án/ Số bị can do Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao mới quyết định khởi tố vụ án/ khởi tố bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22/ Dòng 27 (Tổng số vụ án/ Tổng số bị can phải điều tra):** thống kê tổng số vụ án/ tổng số bị can phải điều tra bao gồm: Số vụ án/ số bị can còn lại của kỳ trước + Số vụ án/ số bị can mới khởi tố trong kỳ + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị can nơi khác chuyển đến - Số vụ án/số bị can chuyển đi nơi khác.

- **Dòng 37, 38, 39 và Dòng 40 (Số bị can có người bào chữa / Trong đó: Luật sư, bào chữa viên nhân dân, trợ giúp pháp lý):** Thống kê vào Dòng tương ứng theo người bào chữa cho bị can, do đó D38 +D39+D40 có thể lớn hơn D37.

- **Dòng 41/ Dòng 43 (Số vụ án/ Số bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố):** thống kê số vụ án/ số bị can có bản Kết luận điều tra ban hành trong kỳ

thống kê và có biên bản bàn giao sang Vụ 6 (Viện kiểm sát nhân dân tối cao) để truy tố theo thẩm quyền. Nếu có bản Kết luận điều tra ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có biên bản bàn giao sang Vụ 6 (Viện kiểm sát nhân dân tối cao) trong kỳ thống kê thì không thống kê vào dòng này.

- Dòng 53/ Dòng 54 (Tổng số vụ án/ Số bị can tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê): thống kê số vụ án/ số bị can Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước (không tính các trường hợp đã được phục hồi điều tra).

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các đơn vị cần kiểm tra công thức:

Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê liên trước - Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra phục hồi điều tra trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê = Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê.

- Dòng 55/ Dòng 58 (Số vụ án/ Số bị can còn lại chưa kết thúc điều tra): thống kê số vụ án/ số bị can đến cuối kỳ thống kê chưa có quyết định giải quyết của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, như: kết thúc điều tra đề nghị truy tố, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ.

Biểu số 10

Thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự

Lưu ý : *Khác với Biểu 4/2025 thống kê tất cả các tội danh mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo, Biểu 10/2025 thống kê theo nguyên tắc xác định tội danh:*

- Nguyên tắc xác định tội danh:
 - + Nếu vụ án có nhiều tội danh thì tội danh của vụ án được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất của vụ án.
 - + Nếu bị can bị khởi tố, truy tố; bị cáo bị xét xử về nhiều tội trong cùng 1 vụ án thì tội danh của bị can, bị cáo được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.
 - + Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự.

Các quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng là căn cứ để thống kê. Vì vậy, tội danh của vụ án, bị can, bị cáo ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được thống kê theo tội danh ghi trong các quyết định do cơ quan có thẩm quyền ban hành tương ứng với từng giai đoạn tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử).

- Đối với bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại thì thống kê vào cột **“pháp nhân”**

- Độ tuổi của bị can, bị cáo: là tuổi tính đến ngày phạm tội, căn cứ trong hồ sơ vụ án.

- Trình độ học vấn: là trình độ học vấn cao nhất tính ở thời điểm phạm tội.

- Đối với những vụ án/bị can mới khởi tố nhưng ngay trong kỳ thống kê đó đã chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền thì đơn vị đã khởi tố thống kê vào cột số mới khởi tố (Cột 6/Cột 7) nhưng không thống kê vào cột số tổng (Cột 3/Cột 4), đơn vị nơi nhận những vụ án này không thống kê vào cột số mới nhưng thống kê vào cột số tổng (Cột 3/Cột 4).

- Đối với những vụ án Viện kiểm sát trả hồ sơ điều tra bổ sung và Cơ quan điều tra ra kết luận điều tra (hoặc kết luận điều tra bổ sung, hoặc công văn hoàn sau khi điều tra bổ sung) trong cùng tháng thì không tính vào số “Vụ án/bị can đề nghị truy tố” (Cột 25, Cột 26) cũng như số “Tổng số vụ án/bị can đã thụ lý của Viện kiểm sát” (Cột 3, Cột 4) (thực hiện tương tự đối với kỳ thống kê 6 tháng và 12 tháng). *Lưu ý: Đối với những vụ án Cơ quan điều tra ra kết luận điều tra nhưng Viện kiểm sát trả hồ sơ điều tra bổ sung trong cùng tháng nên*

chưa tính số liệu kết luận điều tra đề nghị truy tố, tại kỳ thống kê tiếp theo, không tính vào số liệu “đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước”.

Tổng số vụ án/bị can thụ lý của Viện kiểm sát (Cột 33, Cột 34) = Số vụ án/bị can còn lại của kỳ trước + Số vụ án/bị can mới thụ lý + Số vụ án/bị can phục hồi + Số vụ án/bị can chuyển đến – Số vụ án/bị can chuyển đi + Số vụ án/bị can mới nhận để điều tra bổ sung - Số vụ án/bị can VKS trả hồ sơ điều tra bổ sung trong kỳ = Tổng số vụ án/bị can VKS thụ lý giải quyết (Dòng 274/Dòng 275 (Biểu 2)).

- Phân loại tội phạm (cột 47, 48, 49, 50): Căn cứ vào Điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị can để làm cơ sở phân loại tội phạm và thống kê vào cột tương ứng. Nếu bị can bị truy tố về nhiều tội trong cùng 01 vụ án thì chỉ thống kê vào một cột và loại tội phạm đối với bị can được đánh giá bằng tội danh có khung hình phạt cao nhất mà bị can đó bị truy tố.

Tổng số bị can truy tố (trừ pháp nhân) = Tổng số bị can phân tố theo loại tội phạm

Tổng số bị can bị truy tố (trừ pháp nhân) = Tổng số bị can bị truy tố phân tố theo độ tuổi

- Cột Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Chỉ thống kê những vụ án, bị can VKS trả hồ sơ mà Cơ quan điều tra chấp nhận, trong kỳ thống kê.

- Cột Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Chỉ thống kê những vụ án, bị can Tòa án trả hồ sơ mà VKS chấp nhận, trong kỳ thống kê.

- Các cột khác như tiêu chí về **Tổng thụ lý kiểm sát điều tra, truy tố, xét xử; số vụ án, bị can khởi tố, truy tố, xét xử; số vụ án, bị can đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ**, của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, Tòa án theo từng cột của biểu này số liệu phải bằng các chỉ tiêu tương ứng tại Biểu 02, Biểu 03 (và các chỉ tiêu trên được hướng dẫn tại Biểu số 02 và Biểu 03).

Biểu số 11

Thống kê kiểm sát việc áp dụng, thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh.

Dòng 2 (Số người đã có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nhưng chưa đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh của kỳ thống kê trước chuyển qua): Thống kê số người mà cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa vào các cơ sở điều trị bệnh bắt buộc để chữa bệnh.

Dòng 3 (Số người mới có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh): Thống kê số người mới có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, trong kỳ thống kê.

Dòng 6 (Tổng số người có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh): Thống kê tổng số bị can, bị cáo, phạm nhân mà cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, bao gồm số cũ và số mới.

Dòng 9 (Số người đã được đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh): Thống kê số người đã được đưa vào cơ sở điều trị bệnh bắt buộc trong kỳ thống kê. Căn cứ vào ngày ghi trong biên bản giao nhận đối tượng để thống kê.

Dòng 10 (Số người bắt buộc chữa bệnh trốn đã truy tìm được): Thống kê số người trốn đã truy tìm lại được trong kỳ thống kê. Số này bao gồm những trường hợp trốn trong kỳ thống kê và những trường hợp đã trốn ở các kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này mới truy tìm lại được.

Dòng 15 (Số người được cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh không đúng quy định của pháp luật nên phải hủy áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh): Thống kê số người mà VKS hoặc Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (chưa đưa vào cơ sở điều trị bệnh bắt buộc) nhưng việc áp dụng này không đúng quy định của pháp luật nên VKS hoặc Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định hủy Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh có thể ở các kỳ thống kê khác nhau, nhưng đến kỳ thống kê này mới hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Dòng 17 (Số người chưa đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê): Thống kê số người đã có quyết định áp dụng biện pháp bắt

buộc chữa bệnh nhưng chưa đưa vào các cơ sở điều trị bệnh bắt buộc tính đến cuối kỳ thống kê.

Dòng 17 = Dòng 6 – Dòng 9–D11- Dòng 15

Dòng 23 (Tổng số người bắt buộc chữa bệnh): Thống kê tổng số người đang thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh, trong kỳ thống kê, gồm số từ kỳ trước chuyển qua và số mới phát sinh trong kỳ.

Dòng 28 (Số người bắt buộc chữa bệnh trốn đã truy tìm được): Thống kê số người đang thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh trốn đã truy tìm được trong kỳ thống kê. Số này bao gồm cả những trường hợp đã trốn ở các kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này mới truy tìm lại được.

Dòng 32 (Số người được hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh): Thống kê số người đang thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh nhưng cơ quan có thẩm quyền hủy quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, trong kỳ thống kê.

Dòng 33 (Số người đang bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê): Thống kê số người còn đang chữa bệnh bắt buộc tại các cơ sở điều trị bệnh bắt buộc, tính đến cuối kỳ thống kê.

Dòng 33 = Dòng 25 - Dòng 26 - Dòng 29 - Dòng 32

Biểu số 12

Biểu mẫu thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự

- Đơn vị có trách nhiệm thống kê giám định tư pháp trong tố tụng hình sự là đơn vị ra quyết định trưng cầu giám định (của Viện kiểm sát) hoặc nhận được quyết định trưng cầu giám định và kết luận giám định của Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và Tòa án cùng cấp.

- Đơn vị tính là **“quyết định”** và thống kê số liệu phát sinh trong *Tháng* (số mới).

+ Nếu một quyết định trưng cầu giám định có nhiều nội dung khác nhau nhưng cùng một dòng thì chỉ tính là 1 quyết định.

Ví dụ: Một quyết định trưng cầu giám định vừa có nội dung trưng cầu giám định về tuổi của bị can vừa có nội dung trưng cầu giám định về tuổi của bị hại thì Cột 2 của Dòng 2 ghi 1.

+ Nếu một quyết định trưng cầu giám định có nhiều nội dung khác nhau nhưng ở nhiều dòng khác nhau thì cũng chỉ tính là 1 quyết định và thống kê vào dòng có số thứ tự nhỏ nhất.

Ví dụ: Một quyết định trưng cầu giám định vừa có nội dung trưng cầu giám định về tuổi của bị can (Dòng 2) vừa có nội dung trưng cầu giám định mức độ tổn hại sức khỏe (Dòng 4) thì chỉ thống kê vào Dòng 2.

Từ Cột 2 đến Cột 11 căn cứ thống kê là ngày ra quyết định trưng cầu giám định (của Viện kiểm sát) hoặc ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và Tòa án cùng cấp; Cột 12 căn cứ thống kê là ngày nhận được kết luận giám định; Cột 13 căn cứ thống kê là ngày ra thông báo (của Viện kiểm sát) hoặc ngày nhận được thông báo không đồng ý với kết luận giám định.

- Cột 2: Thống kê tổng số quyết định trưng cầu giám định trong kỳ thống kê.

$$\text{Cột 2} = \text{Cột 5} + \text{Cột 6} + \text{Cột 7} + \text{Cột 8} = \text{Cột 9} + \text{Cột 10} + \text{Cột 11}.$$

- Cột 3: Thống kê số quyết định trưng cầu giám định trong các vụ án về chức vụ (*Chương XXIII Bộ luật hình sự*), bao gồm: *Các tội phạm tham nhũng và Các tội phạm khác về chức vụ*. Số này thuộc số liệu tại Cột 2 (Cột 3 ≤ Cột 2).

- Cột 4: Thống kê số quyết định trung cầu giám định theo đề nghị của bị can, bị cáo, bị hại hoặc người tham gia tố tụng khác. Số này thuộc số liệu tại Cột 2 (Cột 4 $\leq$ Cột 2).

Lưu ý: Đề nghị trung cầu giám định có thể ở các kỳ thống kê khác nhau, nhưng tháng nào ra quyết định trung cầu giám định thì thống kê vào kỳ thống kê đó.

- Cột 7: Thống kê số quyết định trung cầu giám định lại lần 1 và giám định lại lần 2.

- Cột 8: Thống kê số quyết định trung cầu giám định lại trong trường hợp đặc biệt. Căn cứ thống kê là ngày Viện trưởng VKSND tối cao ra quyết định hoặc ngày mà Viện kiểm sát nhận được quyết định trung cầu giám định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Cột 9, 10 và Cột 11: Cơ quan nào ra quyết định trung cầu giám định thì thống kê vào cột tương ứng.

- Cột 12: Thống kê số quyết định trung cầu giám định đã nhận được kết luận giám định trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Quyết định trung cầu giám định có thể ở các kỳ thống kê khác nhau nhưng kỳ thống kê này mới nhận được kết luận giám định nên số liệu này có thể lớn hơn số liệu tại Cột 2.

- Cột 13: Thống kê số kết luận giám định mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không đồng ý với kết luận giám định.

Lưu ý: Kết luận giám định có thể ở các kỳ thống kê khác nhau nhưng kỳ thống kê này cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không đồng ý nên số liệu này có thể lớn hơn số liệu tại Cột 2 và tại Cột 12.

- Cột 14: Thống kê số quyết định trung cầu giám định chưa có kết luận giám định tính đến cuối kỳ thống kê nhưng đã quá thời hạn giám định quy định tại Điều 208 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với một quyết định trung cầu giám định có nhiều nội dung nhưng có nội dung quá thời hạn thì vẫn tính là quá thời hạn. Mỗi quyết định trung cầu giám định quá thời hạn chỉ thống kê 1 lần (kỳ sau không tính lại).

Ví dụ: Quyết định trung cầu giám định đã thống kê quá thời hạn ở kỳ thống kê trước sang kỳ thống kê này vẫn quá thời hạn thì không thống kê nữa.

Biểu số 13

Thống kê người dưới 18 tuổi phạm tội

- Cột 1 và Cột 2 (*Tội danh; Điều luật*): Thống kê tội danh mà bị can đã bị khởi tố. Nếu bị can bị khởi tố về nhiều tội trong cùng một vụ án thì tội danh của bị can được thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất trong vụ án đó.

Trong các trường hợp trên, nếu các tội danh có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự của điều luật nhỏ nhất trong BLHS.

- Cột 3 (*Tổng số bị can đã khởi tố*): Thống kê số người dưới 18 tuổi đã bị khởi tố bị can, số này bao gồm số mới khởi tố và số còn lại của kỳ thống kê trước.

- Cột 4 (*Tr. đó: Bị can bị tạm giam*): Thống kê số bị can bị tạm giam trong giai đoạn điều tra, số này thuộc số liệu ở Cột 3. (Thống kê số bị can đang bị tạm giam hoặc những bị can đã bị tạm giam nhưng đến thời điểm thống kê đã được cơ quan tố tụng có thẩm quyền thay đổi biện pháp ngăn chặn không phải là tạm giam).

- Từ Cột 6 đến Cột 20: Phân tích một số đặc điểm của những bị can là người dưới 18 tuổi mới bị khởi tố. Khi thống kê các cột này cần lưu ý một số nội dung sau:

+ Cột 15 (*Đồng phạm với người đã đủ 18 tuổi trở lên*): Thống kê số bị can mới khởi tố là người dưới 18 tuổi nhưng đã đồng phạm với người đủ 18 tuổi trở lên cùng thực hiện một tội phạm.

+ Cột 16 (*Tr. đó: Phạm tội do người từ đủ 18 tuổi trở lên xúi giục*): Thống kê số bị can mới khởi tố là người dưới 18 tuổi bị người từ đủ 18 tuổi trở lên kích động bằng lời nói, cử chỉ, vật chất hoặc bằng bất cứ thủ đoạn nào đó nhằm làm cho họ thực hiện các hành vi phạm tội. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 15.

- Cột 23 (*Tr. đó: Miễn trách nhiệm hình sự*): Thống kê số bị can CQĐT đã ra quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 22.

- Cột 24 (*Đình chỉ do không phạm tội*): Thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do “không có sự việc phạm tội” hoặc “hành vi không cấu thành tội phạm” (căn cứ đình chỉ theo khoản 1, 2 Điều 157 BLTTHS) hoặc số bị can đình chỉ vì “đã hết hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm” (căn cứ đình chỉ theo điểm b khoản 1 Điều

230 BLTTHS). Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 22 (không thống kê những trường hợp đình chỉ do bị can bị tâm thần).

- Cột 25 (*Đình chỉ sau đó chuyển xử lý hành chính*): Thống kê số bị can đã bị khởi tố, xong CQĐT đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can và chuyển xử lý hành chính. Số liệu này thuộc số liệu ở Cột 22./.

- Cột 26 (*Tổng số bị can VKS đã thụ lý*): Thống kê tổng số bị can là người dưới 18 tuổi VKS đã thụ lý giải quyết trong kỳ thống kê. Số này bao gồm số mới thụ lý và số còn lại của kỳ thống kê trước.

- Cột 27 (*Tr. đó: Bị can bị tạm giam*): Thống kê số bị can bị tạm giam trong giai đoạn truy tố. Chỉ thống kê những bị can đã hoặc đang bị tạm giam trong giai đoạn truy tố, **không** thống kê những bị can mà giai đoạn điều tra bị tạm giam nhưng trước khi VKS thụ lý giải quyết đã được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn khác không phải là tạm giam.

- Cột 39 (*Đình chỉ do không phạm tội*): Tương tự Cột 24

- Cột 42 (*Tổng số bị can, bị cáo Tòa án đã thụ lý*): Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án đã thụ lý giải quyết, bao gồm số mới thụ lý và số còn lại của kỳ thống kê trước.

- Cột 43 (*Tr. đó: Bị can, bị cáo bị tạm giam*): Thống kê số bị can, bị cáo bị tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Chỉ tính những bị can, bị cáo đã hoặc đang bị tạm giam trong giai đoạn xét xử, không thống kê những bị can, bị cáo mà giai đoạn điều tra, truy tố bị tạm giam nhưng trước khi Tòa án thụ lý giải quyết đã được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn khác không phải là tạm giam.

- Cột 54 (*Phạt tù cho hưởng án treo*): Thống kê số bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo được hưởng án treo trong kỳ thống kê. *Số liệu này là số liệu độc lập, không thuộc số liệu ở Cột 55 (3 năm tù trở xuống).*

Biểu số 14

Thống kê người dưới 18 tuổi là bị hại trong các vụ án hình sự

Đối với 11 tội danh trong Bộ luật Hình sự có tình tiết định tội là người dưới 18 tuổi (các điều 124, 142, 144, 145, 146, 147, 151, 152, 153, 296 và Điều 329 thì ***phải thống kê đầy đủ các tiêu chí của Biểu mẫu***. Các tội danh (điều luật) còn lại ***phải thống kê đầy đủ các tiêu chí từ Cột 1 đến Cột 5***; các cột còn lại (từ Cột 6 đến Cột 22) chỉ thống kê nếu có thông tin. Cách thống kê từng cột như sau:

- Cột 1 (*Tội danh*): Ghi tội danh của bị can bị khởi tố mà có người dưới 18 tuổi là bị

+ Trường hợp trong vụ án hình sự mà bị can bị khởi tố theo *nhiều tội danh*, trong đó có tội danh thuộc 11 tội danh đã nêu trên, có tội danh không thuộc 11 tội danh này thì thống kê theo tội danh thuộc 11 tội danh đã nêu.

Ví dụ: Trong vụ án hình sự, bị can bị khởi tố về Tội giết người (Điều 123) và Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146) thì thống kê theo Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (người dưới 18 tuổi là tình tiết định tội).

+ Trường hợp trong vụ án hình sự mà bị can bị khởi tố theo *nhiều tội danh thuộc 11 tội danh đã nêu trên* thì thống kê theo tội danh nặng nhất. Nếu các tội danh có mức hình phạt bằng nhau thì thống kê theo tội danh có số thứ tự nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự.

Ví dụ 1: Trong vụ án hình sự, bị can bị khởi tố về Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142) và Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146) thì thống kê theo Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142).

Ví dụ 2: Trong vụ án hình sự, bị can bị khởi tố về Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146) và Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147) thì thống kê theo Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146).

+ Trường hợp trong vụ án hình sự mà bị can bị khởi tố theo *nhiều tội danh ngoài 11 tội danh đã nêu trên* nhưng trong đó có tội danh bị khởi tố theo *tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội đối với người dưới 18 tuổi* thì thống kê theo tội danh có tình tiết định khung tăng nặng đó.

Ví dụ: Trong vụ án hình sự, bị can vừa thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với người dưới 16 tuổi (bị khởi tố theo điểm c khoản 2 Điều 170), vừa thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (bị khởi tố theo Điều 174) thì thống kê theo Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170).

+ Trường hợp trong vụ án hình sự mà bị can bị khởi tố theo *nhiều tội danh ngoài 11 tội danh* đã nêu trên nhưng đều khởi tố theo khung hình phạt có tình tiết tăng nặng là *phạm tội đối với người dưới 18 tuổi* thì thống kê theo tội danh có khung hình phạt nặng nhất. Nếu các khung hình phạt có mức hình phạt bằng nhau thì thống kê theo tội danh có số thứ tự nhỏ nhất theo trong Bộ luật Hình sự.

Ví dụ: Trong vụ án hình sự, bị can vừa bị khởi tố về Tội Giết người theo điểm b khoản 1 Điều 123, vừa bị khởi tố về Tội hiếp dâm theo khoản 4 Điều 141 thì thống kê theo Tội giết người (Điều 123).

+ Trường hợp trong vụ án hình sự mà bị can bị khởi tố theo *nhiều tội danh ngoài 11 tội danh* đã nêu trên và *không thuộc tình tiết định khung tăng nặng (phạm tội đối với người dưới 18 tuổi)* thì thống kê theo tội danh nặng nhất. Nếu các tội danh có mức hình phạt bằng nhau thì thống kê theo tội danh có số thứ tự nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự.

Ví dụ: Trong vụ án hình sự, bị can vừa bị khởi tố về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174), vừa bị khởi tố về Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản tài sản (Điều 178) thì thống kê theo Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174).

- Cột 3 (*Số người bị hại dưới 18 tuổi*): Thống kê số người thực tế.

- Cột 6, 7, 8, 9 và Cột 10 (*Phân tổ theo độ tuổi*): Thống kê theo từng nhóm tuổi của người dưới 18 tuổi bị xâm hại (người bị hại) trong kỳ thống kê. Việc thống kê theo nhóm tuổi của người dưới 18 tuổi bị xâm hại (người bị hại) được căn cứ vào Hồ sơ vụ án hình sự (Kết luận điều tra, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh hoặc theo kết quả giám định...)

$$(\text{Cột 6} + \text{Cột 7} + \text{Cột 8} + \text{Cột 9} + \text{Cột 10} = \text{Cột 3})$$

+ Cột 12: Thống kê số người dưới 18 tuổi là bị hại thuộc các dân tộc còn lại.

Lưu ý: *Nếu bị hại (người dưới 18 tuổi) là người nước ngoài thì không thống kê vào 2 cột này.*

$$(\text{Cột 11} + \text{Cột 12} \leq \text{Cột 3})$$

- Cột 13 (*Bị hại là người khuyết tật*): Thống kê số bị hại (người dưới 18 tuổi) trong các vụ án hình sự là người khuyết tật theo quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 3 Luật Người khuyết tật, cụ thể:

+ Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao

động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn;

+ Dạng tật và mức độ khuyết tật như: Khuyết tật vận động, khuyết tật nghe, nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật thần kinh, tâm thần, khuyết tật trí tuệ, khuyết tật khác...

- Cột 14 (*Bị hại là người sống lang thang*): Thống kê số người dưới 18 tuổi sống lang thang (thường là người không có gia đình hoặc bỏ gia đình, không có nơi cư trú và chỗ ở ổn định...).

$$\text{Cột 13} + \text{Cột 14} \leq \text{Cột 3}$$

- Cột 15, 16, 17, 18 và Cột 19 (*Phân tổ theo quan hệ giữa bị hại với bị can*):

+ Cột 15 (*Người thân thích*): Thống kê số người dưới 18 tuổi bị xâm hại là người có quan hệ thân thích với bị can. Người thân thích được hiểu là người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời (Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình).

+ Cột 16 (*Người lệ thuộc*): Thống kê số người dưới 18 tuổi bị xâm hại là người lệ thuộc với bị can về quan hệ xã hội, tôn giáo, tài chính... (*trừ các trường hợp có quan hệ thân thích đã thống kê tại Cột 15*), như: Thầy giáo, cô giáo, người chăm sóc, người khám chữa bệnh...

+ Cột 17 (*Người quen biết*): Thống kê số người dưới 18 tuổi bị xâm hại là người quen biết với bị can, trừ trường hợp ở Cột 15 và Cột 16.

+ Cột 18 (*Người quen biết qua mạng*): Thống kê số người dưới 18 tuổi bị xâm hại quen biết với bị can qua mạng (mạng Internet, mạng xã hội...).

Lưu ý: Số “người quen biết qua mạng” tại Cột 18 không nằm trong số “người quen biết” tại Cột 17.

+ Cột 19 (*Người không quen biết*): Thống kê số người dưới 18 tuổi là bị hại không quen biết với bị can.

$$(\text{Cột 15} + \text{Cột 16} + \text{Cột 17} + \text{Cột 18} + \text{Cột 19} = \text{Cột 3})$$

- Cột 20, 21 và Cột 22 (*Phân tổ theo hậu quả của tội phạm*):

+ Cột 20: Thống kê hậu quả người dưới 18 tuổi bị xâm hại dẫn đến chết;

+ Cột 21: Thống kê hậu quả người dưới 18 tuổi bị xâm hại dẫn đến tự sát;

+ Cột 22: Thống kê hậu quả người dưới 18 tuổi bị xâm hại dẫn đến có thai.

Trong trường hợp gây ra nhiều hậu quả thì thống kê đầy đủ vào các cột tương ứng

Biểu số 15

Thống kê kiểm sát việc chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại

Các tiêu chí đã rõ.

Biểu số 16

Thống kê kiểm sát việc chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Các tiêu chí đã rõ.

Biểu số 17

Thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp

Ghi chú: Đối với các tiêu chí thống kê của **Biểu số 17** (*Thống kê vi phạm trong hoạt động tư pháp*) chỉ áp dụng cho *Kỳ báo cáo thống kê Tháng* nên các đơn vị chỉ thực hiện thống kê số liệu phát sinh trong tháng (*số mới*) mà không thống kê số liệu phát sinh và đã thống kê ở kỳ thống kê trước (*số cũ*).

1. Vi phạm trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố:

- **Dòng 1 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền không thụ lý):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố xảy ra trên địa phận (lãnh thổ), thuộc lĩnh vực quản lý và loại tội phạm mà luật quy định thuộc thẩm quyền điều tra của các CQĐT nhưng không vào sổ thụ lý để giải quyết (Điều 145, 146 BLTTHS).

- **Dòng 2 (Cơ quan điều tra của Công an nhân dân):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền nhưng Cơ quan điều tra của Công an nhân dân không thụ lý để điều tra theo thẩm quyền.

- **Dòng 3 (Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền nhưng Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân không thụ lý để điều tra theo thẩm quyền.

- **Dòng 4 (Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền nhưng Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương không thụ lý để điều tra theo thẩm quyền (phân tổ thêm của Dòng 3. CQĐT của Quân đội nhân dân).

- **Dòng 5 (Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền nhưng Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao không thụ lý để điều tra theo thẩm quyền.

- **Dòng 6 (Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền nhưng Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra như: Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm... không thụ lý để điều tra theo thẩm quyền.

Lưu ý: Các Dòng 2, 3, 5, 6 là phân tổ của Dòng 1.

- **Dòng 7 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà các CQĐT đã thụ lý giải quyết nhưng không đúng thẩm quyền trong kỳ thống kê như: Tội phạm không xảy ra trên địa phận (lãnh thổ), không thuộc lĩnh vực quản lý và loại tội phạm mà luật quy định không thuộc thẩm quyền điều tra của từng CQĐT (Điều 145, 146 BLTTHS).

- **Dòng 8 (Cơ quan điều tra của Công an nhân dân):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra của Công an nhân dân thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền.

- **Dòng 9 (Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền

- **Dòng 10 (Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền (số liệu này thuộc số liệu ở Dòng 9).

- **Dòng 11 (Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát tối cao):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra của VKSND tối cao thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền.

- **Dòng 12 (Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra như: Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm... thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền.

Lưu ý: Các Dòng 8, 9, 11, 12 là phân tổ của Dòng 7.

- **Dòng 13 (Số tố giác, tin báo về tội phạm Công an cấp xã đến Cơ quan điều tra vi phạm về thời hạn chuyển đến Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm vi phạm thời hạn chuyển tố giác, tin báo về tội phạm đến Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 146 BLTTHS (chuyển ngay).

- **Dòng 14 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố Cơ quan điều tra vi phạm thời hạn thông báo về việc tiếp nhận cho cơ quan VKS cùng cấp hoặc VKS có thẩm quyền (K5 Đ146 BLTTHS):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà Cơ quan điều tra vi phạm thời hạn thông báo về việc tiếp nhận cho cơ quan VKS cùng cấp hoặc VKS có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 146 BLTTHS (trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm...).

- **Dòng 15 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vi phạm thời hạn thông báo về việc tiếp nhận cho cơ quan VKS cùng cấp hoặc VKS có thẩm quyền):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vi phạm thời hạn thông báo về việc tiếp nhận cho cơ quan VKS cùng cấp hoặc VKS có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 146 BLTTHS (trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm...).

- **Dòng 16 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn khi ra QĐ khởi tố, QĐ không khởi tố hoặc tạm đình chỉ):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn giải quyết nhưng các CQĐT thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, VKS Tối cao và một số cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không ban hành các QĐ khởi tố, QĐ không khởi tố vụ án hoặc tạm đình chỉ việc giải quyết.

- **Dòng 17 (Cơ quan điều tra của Công an nhân dân):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn giải quyết nhưng CQĐT thuộc Công an nhân dân không ban hành các QĐ khởi tố, QĐ không khởi tố vụ án hoặc tạm đình chỉ việc giải quyết.

- **Dòng 18 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố CQĐT quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết không đúng pháp luật):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cơ quan có thẩm quyền tạm đình chỉ việc giải quyết không đúng pháp luật (Điều 148 BLTTHS).

- **Dòng 19 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn):** thống kê số tin báo tội phạm mà các cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết nhưng đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết (quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự) hoặc đã quá thời hạn giải quyết mới ban hành quyết định giải quyết (quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự) quy định tại Điều 147 BLTTHS.

- **Dòng 20 (Cơ quan điều tra của Công an nhân dân):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Cơ quan điều tra của Công an nhân dân nhưng đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết.

- **Dòng 21 (Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Cơ quan điều tra của Quân đội nhân dân nhưng đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết.

- **Dòng 22 (Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương nhưng đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết (Số liệu này thuộc số liệu ở dòng 21).

- **Dòng 23 (Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thụ

lý, giải quyết của Cơ quan điều tra của VKSND tối cao nhưng đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết.

- **Dòng 24 (Cơ quan điều tra khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm...):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Cơ quan điều tra khác như: Hải quan, Cảnh sát biển, Kiểm lâm... đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết.

Lưu ý: Các Dòng 20, 21, 23, 24 là phân tổ của Dòng 19

- **Dòng 25 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã ra QĐ giải quyết nhưng không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn giải quyết cho VKS):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết (ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự) nhưng không gửi kết quả giải quyết này cho VKS cùng cấp để thực hiện quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Các dòng 26, 27, 28, 29 là phân tổ của Dòng 25, cơ quan nào vi phạm thời hạn gửi các quyết định cho VKS thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 30 (Số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không đúng pháp luật):** Thống kê số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 31 (Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án để điều tra):** thống kê những trường hợp khi các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật đã bị VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (khoản 6 Điều 159 BLTTHS).

Các Dòng 32, 33, 34, 35 là phân tổ của Dòng 31, VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của cơ quan nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 36 (Số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố xác định đủ căn cứ pháp luật nhưng CQĐT không khởi tố mà VKS không yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hoặc VKS không khởi tố vụ án yêu cầu điều tra):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố xác định đủ căn cứ

pháp luật nhưng CQĐT không khởi tố mà VKS không yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hoặc VKS không khởi tố vụ án yêu cầu điều tra.

- **Dòng 37 (Số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 38 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có vi phạm khác trong thụ lý và giải quyết):** Thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có các vi phạm không thuộc các vi phạm nêu trên (bao gồm cả VKS).

2. Vi phạm trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự:

- **Dòng 39 (Số lệnh, quyết định trong khởi tố, điều tra có vi phạm):** Thống kê các lệnh, quyết định tố tụng của CQĐT vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền ...

- **Dòng 40 (Số lần vi phạm trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ):** Thống kê những vi phạm trong thực nghiệm điều tra, nhận dạng, trưng cầu giám định, nhận biết giọng nói, định giá tài sản ...; vi phạm trong hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng...; vi phạm trong khám nghiệm hiện trường, tử thi... của CQĐT.

- **Dòng 41 (Số lần vi phạm trong thực nghiệm điều tra, nhận dạng, trưng cầu giám định, nhận biết giọng nói, định giá tài sản...):**

- **Dòng 42 (Số lần vi phạm trong hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng):**

- **Dòng 43 (Số lần vi phạm trong khám nghiệm hiện trường, tử thi...):**

Các Dòng 41, 42, 43 là phân tổ của Dòng 40, vi phạm thuộc nhóm nào thì thống kê vào nhóm tương ứng.

- **Dòng 44 (Số lần vi phạm trong việc giao nhận các biên bản, tài liệu điều tra theo khoản 5 Điều 88 BLTTHS):** Thống kê số lần vi phạm trong việc giao nhận các biên bản, tài liệu điều tra theo khoản 5 Điều 88 BLTTHS như: Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra... CQĐT không chuyển biên bản, tài liệu điều tra để kiểm sát...

- **Dòng 45 (CQĐT của Công an nhân dân):** Thống kê số lần CQĐT của Công an nhân dân vi phạm trong việc giao nhận các biên bản, tài liệu điều tra theo khoản 5 Điều 88 BLTTHS (số liệu này thuộc số liệu ở Dòng 44).

- **Dòng 46 (Số vụ án bị VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt do có vi phạm trong quá trình áp dụng):** Thống kê số vụ án bị VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt do có vi phạm trong quá trình áp dụng (khoản 2 Điều 228 BLTTHS).

- **Dòng 47 (Số vụ án vi phạm về phục hồi điều tra):** Thống kê số vụ án khi có căn cứ để huỷ bỏ quyết định đình chỉ (người bị hại rút yêu cầu khởi tố, tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm, miễn trách nhiệm hình sự...), huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra (bị can không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo...) nhưng CQĐT không ra quyết định phục hồi để điều tra (Điều 235 BLTTHS).

- **Dòng 48 (Số lần vi phạm trong việc bảo quản và xử lý vật chứng):** thống kê những vi phạm quy định về bảo quản và xử lý vật chứng như: Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không tịch thu, sung quỹ Nhà nước; vật chứng là hàng hoá mau hỏng, khó bảo quản nhưng không được bán theo quy định của pháp luật... (quy định tại Điều 89, 90, 105, 106 BLTTHS).

- **Dòng 49 (Số lần vi phạm quy định về truy nã bị can):** thống kê những trường hợp khi có căn cứ để truy nã bị can nhưng CQĐT không ra quyết định truy nã, quyết định truy nã không được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng... (Điều 231 BLTTHS).

- **Dòng 50 (Số lần vi phạm quy định về bào chữa trong giai đoạn điều tra):** Thống kê những vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn cấp Giấy đăng ký bào chữa; vi phạm quyền được bào chữa; không cử người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can theo quy định bắt buộc phải có người bào chữa; từ chối hoặc cấp Giấy đăng ký bào chữa không đúng quy định... (quy định từ Điều 74 - 84 BLTTHS).

- **Dòng 51 (Số vụ án vi phạm về thời hạn điều tra):** Thống kê số vụ án vi phạm về thời hạn điều tra đối với từng loại tội phạm (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) và thời hạn gia hạn điều tra vụ án hình sự... (Điều 172 BLTTHS).

- **Dòng 52 (Số bị can CQĐT đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm (theo K1,2 Đ157 BLTTHS):** Căn cứ QĐ bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vì không phạm tội khi có lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 157 BLTTHS (các trường hợp kết luận, xác định bị tâm thần tại thời điểm phạm tội thì không thống kê vào Dòng này).

- **Dòng 53 (Số vụ án vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong giai đoạn khởi tố, điều tra bị VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung (theo điểm d**

K1 Đ280 BLTTHS)): Căn cứ vào lý do được quy định tại khoản 1 Điều 245 BLTTHS trong giai đoạn khởi tố, điều tra nên bị VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung để thống kê.

- **Dòng 54 (Số lần vi phạm các quy định về thông báo tiếp xúc lãnh sự trong các vụ án liên quan đến người nước ngoài):** Thống kê những vi phạm về nguyên tắc hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự; quy định về dẫn độ, chuyển giao hồ sơ, tài liệu... liên quan đến người nước ngoài (quy định từ Điều 497 - Điều 508 BLTTHS).

- **Dòng 55 (Số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ pháp luật):** Thống kê số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án của CQĐT không có căn cứ pháp luật quy định tại Điều 165 BLTTHS (quyết định huỷ bỏ của VKS không có căn cứ và trái pháp luật).

- **Dòng 56 (Số bị can VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn quyết định khởi tố bị can):** Thống kê số bị can VKS chậm phê chuẩn như: Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, VKS phải quyết định phê chuẩn hoặc huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can (khoản 3 Điều 179 BLTTHS).

- **Dòng 57 (Số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không có căn cứ pháp luật):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 228 BLTTHS).

- **Dòng 58 (Số bị can VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật sau đó phải đình chỉ điều tra do không phạm tội):** Thống kê số bị can VKS quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can sau đó phải đình chỉ điều tra do không phạm tội quy định tại Điều 157 BLTTHS (hành vi không cấu thành tội phạm, chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS...).

- **Dòng 59 (Số bị can VKS không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật):** Thống kê số bị can VKS quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật (quyết định không phê chuẩn của VKS là trái pháp luật).

- **Dòng 60 (Số quyết định của VKS bị VKS cấp trên huỷ bỏ do không có căn cứ pháp luật):** Thống kê số quyết định của VKS cấp dưới bị VKS cấp trên huỷ bỏ như: Quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; quyết định xử lý vật chứng; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ... (quyết định của VKS cấp dưới là trái pháp luật).

- **Dòng 61 (Số lần vi phạm quy định về bảo đảm quyền bào chữa của bị can trong giai đoạn truy tố):** thống kê số lần vi phạm: Về trình tự, thủ tục, thời hạn cấp Giấy đăng ký người bào chữa; vi phạm quyền được bào chữa; không chỉ định người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can theo quy định bắt buộc phải có người bào chữa; từ chối hoặc cấp Giấy đăng ký người bào chữa không đúng quy định của cơ quan VKS... (quy định từ Điều 72 - 84 BLTTHS).

- **Dòng 62 (Số vụ án vi phạm về thời hạn truy tố):** Thống kê số vụ án VKS vi phạm về thời hạn truy tố đối với từng loại tội phạm (20 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng; 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng); vi phạm thời hạn gia hạn thời hạn truy tố (10 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng; 15 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và 30 ngày đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng)... (Điều 240 BLTTHS).

- **Dòng 63/64 (Số vụ án/ Số bị can VKS đình chỉ không có căn cứ pháp luật):** thống kê số vụ án, bị can cơ quan VKS ra quyết định đình chỉ không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 248 BLTTHS).

- **Dòng 65/66 (Số vụ án/ Số bị can VKS tạm đình chỉ không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định tạm đình chỉ của VKS đối với vụ án, bị can không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 247 BLTTHS).

- **Dòng 67 (Số vụ án vi phạm trong việc quyết định truy tố):** thống kê số vụ án mà VKS truy tố bằng bản Cáo trạng vi phạm về nội dung, hình thức như: Thảm quyền, truy tố sai điều luật... (Điều 239, 243 BLTTHS).

- **Dòng 68 (Số bị can VKS đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm (theo K1,2 Đ157 BLTTHS):** Thống kê số bị can VKS ra quyết định đình chỉ vì không phạm tội theo các lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2 Đ157 BLTTHS.

- **Dòng 69 (Số bị can, bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố):** Thống kê số bị can, bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố cả trước và trong phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 70 (Số vụ án vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong giai đoạn truy tố bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung (theo điểm d K1 Đ280 BLTTHS):** Thống kê số vụ án vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung (theo điểm d K1 Đ280 BLTTHS).

- **Dòng 71 (Số vụ án có vi phạm khác trong khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự):** thống kê số vụ án có các vi phạm khác không thuộc các vi

phạm nêu trên (từ Dòng 36 - Dòng 71) trong khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự như: Thiếu thủ tục tố tụng, thực hiện yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát không đầy đủ...

3. Vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế:

3.1. Vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn

- **Dòng 72 (Số lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn có vi phạm):** Thống kê số lệnh, quyết định có các vi phạm về hình thức (thẩm quyền, căn cứ pháp luật ban hành lệnh, quyết định); vi phạm về nội dung (tạm giam đối với người già, phụ nữ có thai...); quyết định thay đổi, huỷ bỏ tạm giam không có căn cứ pháp luật dẫn đến bị can bỏ trốn hoặc phạm tội mới... (quy định từ Điều 109 - 125 BLTTHS).

- **Dòng 73 (Cơ quan điều tra):** Dòng này là phân tổ của Dòng 72, thống kê số vi phạm của Cơ quan điều tra.

- **Dòng 74 (Số lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp):** Thống kê số lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của CQĐT có vi phạm.

- **Dòng 75 (Cơ quan Viện kiểm sát):** Dòng này là phân tổ của Dòng 72, thống kê số vi phạm của Viện kiểm sát.

- **Dòng 76 (Cơ quan Tòa án):** Dòng này là phân tổ của Dòng 72, thống kê số vi phạm của Tòa án.

- **Dòng 77 (Số lần vi phạm trong việc gửi, tổng đạt, thông báo, niêm yết... các lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn):** thống kê số lần vi phạm trong việc gửi, tổng đạt, thông báo, niêm yết... các lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn như: Không thực hiện các quy định như lấy lời khai ngay người bị bắt, bị can...; báo cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản cùng tài liệu để xét phê chuẩn, thông báo cho gia đình, chính quyền địa phương biết... (quy định từ Điều 109 - 125 BLTTHS).

Các Dòng 78, 79, 80 là phân tổ của Dòng 77, cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 81 (Số lần vi phạm trong việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn):** Thống kê số lần vi phạm trong thực hiện các lệnh, quyết định về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục, chứng cứ

bắt... như: Bắt bị can, bị cáo để tạm giam vào ban đêm, không có đại diện chính quyền địa phương chứng kiến... (quy định từ Điều 109 - 125 BLTTHS).

- **Dòng 82 (Số người, bị can quá thời hạn tạm giữ, tạm giam):** thống kê số người bị tạm giữ, số bị can bị tạm giam quá hạn về thời hạn tạm giữ, thời hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của CQĐT, VKS và Toà án (quy định tại Điều 117 - Điều 119 BLTTHS).

Các Dòng 83, 84, 85 là phân tổ của Dòng 82, cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 86 (Số lệnh, quyết định của VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn):** Thống kê số lệnh, quyết định phê chuẩn của VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn quy định như: Quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt bị can để tạm giam, quyết định gia hạn tạm giữ, lệnh tạm giam, gia hạn tạm giam... (Điều 110, 118, 119 BLTTHS).

- **Dòng 87 (Số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn của VKS không có căn cứ pháp luật):** Thống kê số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn của VKS không có căn cứ pháp luật như: Quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt bị can để tạm giam, gia hạn tạm giữ, lệnh tạm giam, gia hạn tạm giam... không có căn cứ pháp luật dẫn đến phải trả tự do, đình chỉ do không phạm tội hoặc bị Toà án tuyên không phạm tội quy định tại Điều 110, 118, 119... BLTTHS.

- **Dòng 88 (Số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp):** Thống kê số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn của VKS không có căn cứ và trái pháp luật đối với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

- **Dòng 89 (Số lần vi phạm trong việc gửi, thông báo, niêm yết lệnh, quyết định của Viện kiểm sát):** thống kê số lần vi phạm về thời hạn gửi, thông báo, niêm yết lệnh, quyết định của VKS cho cơ quan điều tra, bị can...

- **Dòng 90 (Những vi phạm khác trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn):** Thống kê số lần vi phạm khác **không** thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 72 đến Dòng 89) của CQĐT, VKS và Toà án trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn.

3.2. Vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp cưỡng chế

- **Dòng 91 (Số người, bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có vi phạm):** Thống kê số người, bị can, bị cáo do CQĐT, VKS, Toà án áp dụng biện pháp cưỡng chế: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản vi

phạm về trình tự, thủ tục, căn cứ như: Áp giải, dẫn giải vào ban đêm, người già yếu, người có bệnh nặng có xác nhận của cơ quan y tế... (quy định từ Điều 126 - 129 BLTTHS).

Các Dòng 92, 93, 94, 95 là phân tổ của Dòng 91, vi phạm thuộc nhóm đối tượng nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 96 (Số bị can, bị cáo bị những người có thẩm quyền thuộc CQĐT (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng) áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản nhưng không thông báo ngay cho VKS trước khi thi hành):** Thống kê số bị can, bị cáo bị những người có thẩm quyền thuộc CQĐT (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng) áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản nhưng không thông báo ngay cho VKS trước khi thi hành (theo khoản 2 Điều 128 và khoản 2 129 BLTTHS).

- **Dòng 97 (Số bị can, bị cáo được những người thuộc cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật):** Thống kê bị can, bị cáo được những người thuộc cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật (đình chỉ điều tra, Tòa án tuyên không phạm tội, bị cáo không bị tịch thu tiền, tài sản...) quy định tại Điều 130 BLTTHS.

- **Dòng 98 (Những người có thẩm quyền thuộc CQĐT):** Thống kê bị can, bị cáo được những người thuộc CQĐT có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 99 (Những người thuộc CQĐT của Công an nhân dân):** Thống kê bị can, bị cáo được những người thuộc CQĐT của Công an nhân dân có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật (số liệu này thuộc số liệu dòng 98).

- **Dòng 100 (Những người có thẩm quyền thuộc Cơ quan Viện kiểm sát):** Thống kê bị can, bị cáo được những người thuộc VKS có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 101 (Những người có thẩm quyền thuộc Cơ quan Tòa án):** Thống kê bị can, bị cáo được những người thuộc Tòa án có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật.

Các Dòng 98, 100, 101 là phân tổ của Dòng 97.

- **Dòng 102 (Số lần vi phạm khác trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cưỡng chế đối với người, bị can, bị cáo):** thống kê số lần vi phạm

khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 91 đến Dòng 101) của CQĐT, VKS và Toà án trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cưỡng chế.

4. Vi phạm trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự và vi phạm về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Toà án:

4.1. Vi phạm trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự:

- **Dòng 103 (Số vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử):** Thống kê số vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án hình sự của Toà án (30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, 45 ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, 03 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng); vi phạm thời hạn gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử (Điều 277 BLTTHS).

- **Dòng 104 (Số quyết định, bản án của Toà án có vi phạm):** Thống kê số quyết định của Toà án ban hành có vi phạm như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án... vi phạm về trình tự, thẩm quyền, thời hạn, căn cứ... (Điều 255, 281, 282...BLTTHS).

- **Dòng 105 (Số vụ án vi phạm về thành phần Hội đồng xét xử):** Thống kê số vụ án vi phạm quy định thành phần Hội đồng xét xử như: Số lượng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân ... (Điều 254 BLTTHS).

- **Dòng 106 (Số vụ án vi phạm về việc tạm ngừng phiên toà):** Thống kê số vụ án vi phạm về việc tạm ngừng phiên toà (trình tự, thủ tục, căn cứ...) quy định tại Điều 251 BLTTHS.

- **Dòng 107 (Số vụ án vi phạm về việc hoãn phiên toà):** Thống kê số vụ án vi phạm quy định về việc hoãn phiên toà như: Vi phạm về thời hạn hoãn phiên toà hoặc căn cứ hoãn phiên toà (cần giám định bổ sung, giám định lại...) quy định tại Điều 297 BLTTHS.

- **Dòng 108 (Số vụ án vi phạm về giới hạn xét xử):** thống kê số vụ án mà Toà án xét xử bị cáo về tội danh mà VKS không truy tố hoặc tội danh nặng hơn... VKS truy tố (Điều 298 BLTTHS).

- **Dòng 109 (Số bị cáo HĐXX vi phạm trong việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS):** Thống kê số bị cáo mà HĐXX vi phạm trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng TNHS.

- **Dòng 110 (Số bị cáo HĐXX vi phạm trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS):** Thống kê số bị cáo mà HĐXX vi phạm trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

- **Dòng 111 (Số bị cáo HĐXX vi phạm trong việc áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt):** thống kê số bị cáo mà HĐXX vi phạm trong việc áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt.

Lưu ý: Các Dòng 109, 110, 111 chỉ thống kê khi có QĐ của Tòa án có thẩm quyền kết luận việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, loại hình phạt, mức hình phạt đối với bị cáo là không đúng theo quy định của pháp luật (*Ví dụ: Tại kỳ thống kê trước đã xét xử, HĐXX đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, loại hình phạt, mức hình phạt đối với bị cáo không đúng pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì chưa thống kê. Đến kỳ thống kê sau, khi Tòa án có thẩm quyền quyết định và **kết luận** việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, loại hình phạt, mức hình phạt của Tòa án đã xét xử vụ án đó là không đúng theo quy định của pháp luật thì lúc đó mới thống kê vào các Dòng tương ứng*).

- **Dòng 112 (Số vụ án có vi phạm trong việc xử lý vật chứng):** Thống kê số vụ án vi phạm quy định về bảo quản và xử lý vật chứng như: Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước; vật chứng là hàng hoá mau hỏng, khó bảo quản nhưng không được bán theo quy định của pháp luật... (Điều 106 BLTTHS).

- **Dòng 113 (Số vụ án vi phạm về việc bảo đảm quyền bào chữa):** thống kê số vụ án vi phạm quy định về đảm bảo thực hiện quyền bào chữa như: Xét xử bị cáo về tội có khung hình phạt cao nhất là tử hình; bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất... mà không chỉ định người bào chữa cho bị cáo (Điều 76 BLTTHS).

- **Dòng 114 (Số lần vi phạm trong việc tổng đạt bản án, quyết định của Tòa án):** thống kê số lần vi phạm về thời hạn tổng đạt bản án, quyết định cho bị cáo, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bị đơn, nguyên đơn dân sự... (Điều 262, 286... BLTTHS).

- **Dòng 115 (Số lần vi phạm trong việc gửi bản án, quyết định cho VKS):** thống kê số lần vi phạm về thời hạn trong việc gửi bản án, quyết định cho VKS (Điều 262, 286... BLTTHS).

- **Dòng 116 (Số vụ án VKS rút toàn bộ quyết định truy tố):** Thống kê số vụ án VKS rút toàn bộ quyết định truy tố cả trước và trong phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 117 (Số vụ án vi phạm trong việc nghị án):** thống kê số vụ án vi phạm trong việc nghị án như: Vi phạm về thành phần nghị án, thực hiện quyền biểu quyết đối với từng nội dung của bản án... (Điều 326 BLTTHS).

- **Dòng 118 (Số bị can, bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố):** thống kê số bị can, bị cáo mà VKS rút 1 phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; rút trước hoặc tại phiên tòa do quyết định truy tố thiếu chứng cứ hoặc phải đình chỉ do không phạm tội... quy định tại Điều 285, 319 BLTTHS (quyết định truy tố không có căn cứ).

- **Dòng 119 (Số quyết định rút quyết định truy tố của VKS không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định rút 1 phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; rút trước hoặc tại phiên tòa của VKS không có căn cứ pháp luật (quyết định rút quyết định truy tố không có căn cứ).

- **Dòng 120 (Số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Tòa án):** thống kê số lần VKS vi phạm về thời hạn chuyển hồ sơ cho Tòa án để xét xử sơ thẩm (Điều 244 BLTTHS) và VKS chuyển trả hồ sơ cho Tòa án để xét xử theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

- **Dòng 121 (Số vụ án VKS cấp dưới gửi Bản án cho VKS cấp cao vi phạm về thời hạn):** Thống kê số vụ án mà VKS cấp dưới vi phạm về thời hạn gửi bản án cho VKS cấp cao.

- **Dòng 122 (Số kháng nghị bị VKS cấp trên rút kháng nghị):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS cấp dưới bị VKS cấp trên rút kháng nghị.

- **Dòng 123 (Số vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn gửi hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm):** Thống kê số vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn gửi hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo Điều 339 BLTTHS.

- **Dòng 124 (Số bị cáo Tòa án hủy bản án, quyết định để xét xử sơ thẩm lại):** Thống kê những bị cáo Tòa án giám đốc thẩm xét xử trong kỳ thống kê hủy bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại.

- **Dòng 125 (Số vụ án có vi phạm khác trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự):** thống kê số vụ án có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 103 - Dòng 124) trong xét xử các vụ án hình sự của cơ quan Tòa án và VKS.

4.2. Vi phạm về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án:

- **Dòng 126 (Số quyết định Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn):** Thống kê số quyết định Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn.

- **Dòng 127 (Số quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm):** Thống kê số quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm gồm: Số quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Các Dòng 128, 129, 130 là phân tổ của Dòng 127, căn cứ vào quyết định có vi phạm là quyết định gì thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 131 (Số quyết định vi phạm khác trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án):** Thống kê số quyết định có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 126 đến Dòng 130).

5. Thống kê vi phạm trong thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự và trong việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án:

5.1. Vi phạm trong thi hành tạm giữ, tạm giam:

- **Dòng 132 (Số lần vi phạm về trình tự, thủ tục tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần vi phạm về trình tự, thủ tục trong tạm giữ, tạm giam như: Dẫn giải, bàn giao, tiếp nhận, trích xuất, trả tự do người bị tạm giữ, tạm giam, không giải thích quyền và nghĩa vụ, không khám sức khỏe...; vi phạm như: Thiếu lệnh, quyết định, quyết định phê chuẩn; không lập danh chỉ bản; lệnh, quyết định ghi không chính xác...

Các Dòng 133, 134 là phân tổ của Dòng 132, vi phạm trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 135 (Số lần vi phạm trong thực hiện Chế độ giam, giữ):** Thống kê số lần vi phạm trong thực hiện Chế độ giam, giữ đối với người bị tạm giữ, tạm giam theo quy định tại Chương III Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam (từ Điều 16 đến Điều 26).

Các Dòng 136, 137 là phân tổ của Dòng 135, vi phạm với đối tượng nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 138 (Số người VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ trong trường hợp việc tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật):** Thống kê số người được VKS quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ đối với người bị tạm giữ khi xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật như: Tạm giữ người không có lệnh của cơ quan có thẩm quyền, VKS không phê chuẩn lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp do việc bắt khẩn cấp không có căn cứ và trái pháp luật...

- **Dòng 139 (Số lần vi phạm trong thực hiện Chế độ của người bị tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần vi phạm trong thực hiện Chế độ của người bị tạm giữ, tạm giam theo quy định tại Chương IV, V Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam (từ Điều 27 đến Điều 35).

Các Dòng 140, 141 là phân tổ của Dòng 139, vi phạm chế độ với đối tượng nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 142(Số người bị tạm giữ phạm tội mới):**Thống kê số người đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ, Trại tạm giam mà phạm tội mới (phạm tội mới ngoài tội đang bị xử lý).

- **Dòng 143 (Số người bị tạm giam phạm tội mới):**Thống kê số người đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Trại tạm giam mà phạm tội mới (phạm tội mới ngoài tội đang bị xử lý).

- **Dòng 144 (Số người bị tạm giữ, tạm giam được trả tự do theo Khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và Khoản 2 Điều 42 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam):** thống kê số người bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật được VKS quyết định trả tự do theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và khoản 2 Điều 42 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

Các Dòng 145, 146 là phân tổ của Dòng 144, đối tượng nào được trả tự do thì thống kê vào Dòng tương ứng.

- **Dòng 147 (Số người bị tạm giữ VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật):**Thống kê số người bị tạm giữ được VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật như: Xác định người bị tạm giữ không bị oan, sai nhưng VKS vẫn quyết định trả tự do (quyết định trả tự do của VKS không có căn cứ và trái pháp luật).

- **Dòng 148 (Số người bị tạm giam VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật):** thống kê số người bị tạm giam được VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật như: Xác định người bị tạm giam không bị oan, sai nhưng VKS vẫn quyết định trả tự do (quyết định trả tự do của VKS không có căn cứ và trái pháp luật).

5.2. Vi phạm trong thi hành án hình sự:

- **Dòng 149 (Số quyết định thi hành án có vi phạm):**Thống kê số quyết định thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành quyết định thi hành án của Tòa án (quy định từ Điều 363 - 366 BLTTHS và Luật THAHS).

- **Dòng 150 (Số quyết định miễn chấp hành án có vi phạm):** Thống kê số quyết định của TA miễn chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành quyết định miễn chấp hành án...

- **Dòng 151 (Số quyết định hoãn chấp hành án có vi phạm):** Thống kê số quyết định của TA hoãn chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định hoãn chấp hành án...

- **Dòng 152 (Số quyết định giảm thời hạn chấp hành án có vi phạm):** Thống kê số quyết định của TA giảm thời hạn chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định giảm thời hạn chấp hành án...

- **Dòng 153 (Số quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo có vi phạm):** Thống kê số QĐ của TA rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định giảm thời hạn chấp hành án (người được hưởng án treo chưa chấp hành được một phần hai thời gian thử thách hoặc không có tiền bộ và cơ quan có thẩm quyền không đề nghị rút ngắn thời gian thử thách mà Tòa án vẫn ra QĐ... theo khoản 4 Điều 65 BLHS).

- **Dòng 154 (Số quyết định tạm đình chỉ chấp hành án có vi phạm):** Thống kê số quyết định của TA tạm đình chỉ chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định tạm đình chỉ chấp hành án...

- **Dòng 155 (Số quyết định đình chỉ chấp hành án có vi phạm):** Thống kê số quyết định đình chỉ chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định đình chỉ chấp hành án.

- **Dòng 156 (Số quyết định xóa án tích có vi phạm):** Thống kê số quyết định xóa án tích vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định xóa án tích... (Điều 369 BLTTHS và Luật THAHS).

- **Dòng 157 (Số quyết định cho hưởng thời hiệu có vi phạm):** Thống kê số quyết định của TA xóa án tích đối với người bị kết án trong trường hợp hết thời hiệu thi hành bản án có vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định xóa án tích... (Điều 71 BLHS).

- **Dòng 158 (Số lần vi phạm trong việc áp giải, truy bắt, truy nã đối tượng thi hành án):** Thống kê số lần những vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục, áp giải, truy bắt đối tượng chấp hành án; vi phạm trong việc truy nã người chấp hành án như: Không ra quyết định truy nã, quyết định truy nã không được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng...

- **Dòng 159 (Số lần vi phạm về trình tự, thủ tục thi hành án hình sự):** Thống kê số lần những vi phạm trong việc dẫn giải, bàn giao, tiếp nhận, trích xuất, không khám sức khỏe... như: Thiếu bản án, quyết định thi hành án...

- **Dòng 160 (Số lần vi phạm về quản lý, giám sát, giáo dục trong thi hành án hình sự):** Thống kê số lần những vi phạm trong việc phân loại phạm nhân không đúng quy định như: Phân loại mức án, tội danh... để thi hành án.

- **Dòng 161 (Số lần vi phạm trong công tác quản lý, giám sát, giáo dục đối tượng tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số lần những vi phạm trong công tác quản lý, giám sát, giáo dục đối tượng tha tù trước thời hạn có điều kiện.

- **Dòng 162 (Số hồ sơ quản lý, đề nghị xét, miễn, giảm, đặc xá, rút ngắn thời hạn tha tù trước thời hạn có điều kiện có vi phạm):** Thống kê số hồ sơ vi phạm trong việc lập hồ sơ quản lý; hồ sơ đề nghị và xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt và đề nghị đặc xá, rút ngắn thời hạn tha tù trước thời hạn có điều kiện...

- **Dòng 163 (Số hồ sơ quản lý, đề nghị rút ngắn thời hạn tha tù trước có điều kiện vi phạm):** Thống kê số hồ sơ quản lý, đề nghị rút ngắn thời hạn tha tù trước có điều kiện vi phạm.

- **Dòng 164 (Số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện không đúng quy định của pháp luật):** Thống kê số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện không đúng quy định của pháp luật.

- **Dòng 165 (Số lần vi phạm trong công tác giáo dục đối với phạm nhân và người chấp hành án):** Thống kê số lần những vi phạm trong việc tổ chức học tập nội quy, quy chế và phổ biến pháp luật liên quan, tổ chức cảm hoá, duy trì trật tự, vệ sinh...

- **Dòng 166 (Số lần vi phạm trong việc thực hiện chế độ đối với phạm nhân):** Thống kê số lần những vi phạm trong việc thực hiện chế độ đối với phạm nhân như: Chế độ ăn uống, sinh hoạt... theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Luật THAHS và quy định của Chính phủ.

- **Dòng 167 (Số lần phạm nhân trốn):** Thống kê số lần phạm nhân trốn tại Trại tạm giam, Trại giam, Nhà tạm giữ.

- **Dòng 168 (Số lần vi phạm trong việc giám sát, giáo dục, nhận xét, đánh giá quá trình cải tạo của người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ, tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số lần vi phạm của các cơ quan trong việc giám sát, giáo dục, nhận xét, đánh giá quá trình cải tạo của người chấp

hành án treo và rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo; miễn, giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

- **Dòng 169 (Số lần vi phạm trong việc thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định...):** Thống kê số lần vi phạm về trình tự, thủ tục, quản lý, chế độ... đối với người chấp hành án áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh hoặc giáo dục tại xã, phường...

- **Dòng 170 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** Thống kê số lần vi phạm của cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm.

- **Dòng 171 (Số hồ sơ thi hành biện pháp tư pháp có vi phạm):** Thống kê số hồ sơ vi phạm về trình tự, thủ tục, quản lý, chế độ... đối với người chấp hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh hoặc giáo dục tại xã, phường...

- **Dòng 172 (Số phạm nhân vi phạm pháp luật bị khởi tố hình sự):** Thống kê số phạm nhân vi phạm pháp luật và bị khởi tố bị can.

- **Dòng 173 (Số phạm nhân VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật):** Thống kê số phạm nhân VKS quyết định trả tự do đối với phạm nhân không có căn cứ và trái pháp luật như: Xác định người bị giam (phạm nhân) không bị oan, sai nhưng VKS vẫn quyết định trả tự do theo quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và Luật THAHS (quyết định trả tự do của VKS đối với phạm nhân không có căn cứ và trái pháp luật).

- **Dòng 174 (Số bản kháng nghị, kiến nghị của VKS ban hành thông qua kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị, kiến nghị của VKS thông qua hoạt động kiểm sát không có căn cứ pháp luật và không được Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Trại giam, Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cấp tỉnh và UBND cấp xã chấp nhận sửa chữa, khắc phục vi phạm (kháng nghị, kiến nghị của VKS ban hành không có căn cứ pháp luật và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận).

Các Dòng 175, 176, 177, 178, 179, 180 là phân tổ của Dòng 174, căn cứ vào quyết định kiến nghị, kháng nghị (có vi phạm) đối với cơ quan nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 181 (Số lần vi phạm khác trong thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự):** Thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 149 - Dòng 180) quy định về tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

5.3. Vi phạm trong việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án:

- **Dòng 182 (Số quyết định của Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn):** Thống kê số quyết định của Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn gồm: Quyết định hoãn chấp hành, quyết định miễn chấp hành, quyết định giảm thời hạn, quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án.

- **Dòng 183 (Số quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án có vi phạm):** Thống kê số quyết định hoãn chấp hành, quyết định miễn chấp hành, quyết định giảm thời hạn, quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án có vi phạm về trình tự, thủ tục, căn cứ...

Các Dòng 184, 185, 186, 187 là phân tổ của Dòng 183, căn cứ vào quyết định có vi phạm để thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 188 (Số quyết định vi phạm khác về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án):** thống kê số quyết định có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 182 - Dòng 187).

6. Vi phạm trong thực hiện quyền bào chữa:

- **Dòng 189 (Số lần vi phạm trong việc đăng ký người bào chữa):** Thống kê số lần vi phạm trong việc từ chối cử người bào chữa cho bị can, bị cáo, người bị hại... trong trường hợp luật quy định bắt buộc phải chỉ định người bào chữa mà không có lý do chính đáng...

- **Dòng 190 (Cơ quan quản lý người bào chữa):** Thống kê số lần cơ quan quản lý người bào chữa vi phạm.

- **Dòng 191 (Số lần vi phạm trong thực hiện việc bào chữa):** Thống kê số lần vi phạm trong việc thực hiện việc bào chữa như: người bào chữa có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc làm lộ bí mật thông tin liên quan đến vụ án...

- **Dòng 192 (Cơ quan quản lý người bào chữa):** Thống kê số lần cơ quan quản lý người bào chữa vi phạm (Dòng này là phân tổ của Dòng 191).

- **Dòng 193 (Số người bào chữa bị từ chối cấp giấy chứng nhận bào chữa):** Thống kê số người bào chữa bị từ chối cấp giấy chứng nhận bào chữa trong các vụ án hình sự, dân sự, HNGĐ...

- **Dòng 194 (Số người bào chữa bị thu hồi giấy chứng nhận bào chữa do vi phạm hoặc không đủ điều kiện bào chữa):** Thống kê số người bào chữa bị thu hồi giấy chứng nhận bào chữa do vi phạm hoặc không đủ điều kiện bào chữa trong các vụ án hình sự, dân sự, HNGĐ...

- **Dòng 195 (Số lần vi phạm khác về bào chữa):** Thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 189 - Dòng 194) trong thực hiện việc bào chữa.

7. Vi phạm trong hoạt động giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật, công chứng:

- **Dòng 196 (Số lần vi phạm trong hoạt động giám định):** Thống kê số lần vi phạm trong hoạt động giám định như: Từ chối hoặc không từ chối việc giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng; từ chối kết luận giám định, kết luận giám định gian dối...

- **Dòng 197 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** Thống kê số lần cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm vi phạm trong hoạt động giám định.

- **Dòng 198 (Số lần vi phạm trong hoạt động định giá tài sản):** Thống kê số lần vi phạm trong hoạt động định giá tài sản của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm.

- **Dòng 199 (Số lần vi phạm trong hoạt động phiên dịch):** Thống kê số lần vi phạm trong hoạt động phiên dịch như: Từ chối hoặc không từ chối việc phiên dịch theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng; phiên dịch gian dối, sai sự thật...

- **Dòng 200 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** Thống kê số lần cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm vi phạm trong việc cử người phiên dịch.

- **Dòng 201 (Số lần vi phạm trong hoạt động dịch thuật):** Thống kê số lần vi phạm trong hoạt động dịch thuật của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm.

- **Dòng 202 (Số lần vi phạm trong hoạt động công chứng):** Thống kê số lần vi phạm trong hoạt động công chứng như: Từ chối hoặc không từ chối việc công chứng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng; công chứng gian dối, sai sự thật... theo quy định của pháp luật về công chứng.

- **Dòng 203 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** Thống kê số lần cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm vi phạm trong hoạt động công chứng.

- **Dòng 204 (Số lần cơ quan, cá nhân, có trách nhiệm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu về giám định, định giá, phiên dịch, dịch thuật, công chứng của các cơ quan tiến hành tố tụng):** Thống kê số lần cơ quan, cá nhân, có trách nhiệm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu về giám định, định giá, phiên dịch, dịch thuật, công chứng của các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, HNGĐ...

- **Dòng 205 (Số lần vi phạm khác về giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật, công chứng):** Thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 196 - Dòng 204) trong hoạt động giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật và công chứng.

8. Thống kê vi phạm trong thụ lý, giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động và hành chính:

- **Dòng 206 (Số vụ, việc vi phạm về thẩm quyền giải quyết):** Thống kê số vụ, việc mà Toà án giải quyết những tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính mà pháp luật quy định không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án; những tranh chấp, yêu cầu không xảy ra trên địa bàn (lãnh thổ) hoặc trong trường hợp đương sự không lựa chọn Toà án giải quyết tranh chấp, yêu cầu như: Những tranh chấp giữa cá nhân về quốc tịch Việt Nam, quyền sở hữu, về hợp đồng dân sự, thừa kế...; tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, cấp dưỡng...; tranh chấp về mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đại diện đại lý, ký gửi...; tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động, bồi thường thiệt hại, bảo hiểm xã hội...; khiếu kiện quyết định hành chính, danh sách cử tri, quyết định kỷ luật buộc thôi việc... và những yêu cầu như: Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự, mất tích...; yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, thuận tình ly hôn; yêu cầu liên quan việc trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật về Trọng tài thương mại hoặc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Toà án nước ngoài...

- **Dòng 207 (Số vụ, việc vi phạm trong việc thụ lý hoặc không thụ lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu):** Thống kê số vụ, việc mà Toà án thụ lý hoặc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu không đúng quy định của pháp luật như: Không tiến hành thủ tục thụ lý vụ án nếu xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, không thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí... hoặc không trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu việc khởi kiện của đương sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án...

- **Dòng 208 (Số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn gửi thông báo thụ lý cho VKS):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn gửi thông báo thụ lý cho VKS.

- **Dòng 209 (Số vụ, việc vi phạm về xác minh, thu thập chứng cứ):** Thống kê số vụ, việc vi phạm về trình tự, thủ tục khi Toà án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án như: Không lấy lời khai của đương sự, người làm chứng; không tiến hành đối chất, trưng cầu giám định đối với chứng cứ bị tố cáo là giả mạo, không áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo quản vật chứng...

- **Dòng 210 (Số vụ, việc vi phạm về lấy lời khai đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan):** Thống kê số vụ, việc vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lấy lời khai đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như: Lấy lời khai không có mặt của người đại diện hợp pháp trong trường hợp đương sự là người chưa đủ tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự...; biên bản ghi lời khai không có chữ ký của đương sự, biên bản được ghi ngoài trụ sở Toà án nhưng không có người làm chứng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an xã hoặc cơ quan có thẩm quyền...

- **Dòng 211 (Số vụ, việc xác định không đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng):** Thống kê số vụ, việc mà Toà án vi phạm trong việc xác định không đúng quan hệ tranh chấp như: “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo quy định là thuộc tranh chấp về dân sự, do vậy vụ án được giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự nhưng Toà án lại xác định là thuộc “tranh chấp về lao động” nên vụ án lại được giải quyết theo trình tự tố tụng về lao động... hoặc khi tiến hành giải quyết vụ án Toà án đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự như: Theo quy định của pháp luật thì người khởi kiện là nguyên đơn dân sự nhưng Toà án lại xác định là bị đơn dân sự (người bị khởi kiện) hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Toà án lại xác định là người làm chứng...

- **Dòng 212 (Số vụ, việc vi phạm trong việc trưng cầu giám định, định giá tài sản):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm về hình thức (thẩm quyền, căn cứ điều luật... của quyết định trưng cầu giám định); vi phạm về nội dung (không tiến hành trưng cầu giám định đối với chứng cứ bị đương sự tố cáo là giả mạo...).

- **Dòng 213 (Số lần vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời):** Thống kê số lần Toà án vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời như: Có căn cứ xác định trong trường hợp cấp thiết nếu Toà án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì

sẽ không bảo vệ được chứng cứ, gây ảnh hưởng phát triển toàn diện về thể chất của người chưa thành niên, không bảo toàn tình trạng hiện có của tài sản tranh chấp dẫn đến tài sản bị thiệt hại không thể khắc phục được; không tạm dừng việc thực hiện hành vi hành chính được áp dụng nếu có căn cứ cho rằng hành vi hành chính là trái pháp luật và việc tiếp tục thực hiện hành vi hành chính sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục... nhưng Toà án không áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc khi có căn cứ xét thấy việc tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần thiết, không còn phù hợp nhưng Toà án không kịp thời thay đổi, huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước đó...

- **Dòng 214 (Số vụ, việc vi phạm trong việc hòa giải hoặc đối thoại):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm về trình tự, thủ tục, nội dung... trong thực hiện việc hoà giải, đối thoại; vi phạm về thành phần phiên hoà giải, đối thoại; vi phạm về nội dung, trình tự hoà giải, đối thoại; việc hoà giải, đối thoại không được lập biên bản hoặc đương sự không ký vào biên bản hoà giải, đối thoại...

- **Dòng 215 (Số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS):** Thống kê số vụ, việc Toà án chuyển hồ sơ vụ án cho VKS nghiên cứu quá thời hạn quy định như: Sau khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Toà án phải chuyển hồ sơ cho VKS cùng cấp nghiên cứu...

- **Dòng 216 (Số vụ, việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính.

- **Dòng 217 (Số bản án, quyết định Toà án gửi cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số bản án, quyết định mà Toà án gửi cho VKS không đúng thời hạn theo quy định.

- **Dòng 218 (Số bản án, quyết định của Toà án có vi phạm):** Thống kê số bản án, quyết định của Toà án vi phạm về hình thức như: Thời hạn, thẩm quyền ban hành, căn cứ điều luật, bản án không đầy đủ các phần như quy định: Phần mở đầu, phần nội dung, phần nhận định và phần quyết định...; vi phạm về nội dung như: Căn cứ quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án...; phần nội dung và nhận định bản án không ghi nội dung hoặc ghi không đầy đủ yêu cầu khởi kiện, phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu..., hoặc phần quyết định không ghi rõ các quyết định của Toà án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án...

- **Dòng 219 (Số vụ, việc vi phạm trong việc đính chính, sửa chữa, bổ sung nội dung bản án):** Thống kê số vụ, việc Toà án đã xét xử và tuyên bằng bản án nhưng bản án đó có vi phạm dẫn đến phải đính chính, sửa chữa hoặc bổ

sung nội dung bản án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính.

- **Dòng 220 (Số vụ, việc vi phạm trong việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục trong việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự, những người tham gia tố tụng khác và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật như: Bản án, quyết định của Toà án, đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị, giấy báo, giấy triệu tập...

- **Dòng 221 (Số vụ, việc có vi phạm trong việc thực hiện các quy định về án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng khác):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục hoặc quyết định không chính xác mức tiền tạm ứng án phí (tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm); mức tiền tạm ứng lệ phí (lệ phí cấp bản sao bản án, quyết định...) và các chi phí tố tụng khác như: Tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá, chi phí cho người làm chứng, phiên dịch, Luật sư...

- **Dòng 222 (Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa sơ thẩm hoặc phiên họp sơ thẩm):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm về quy định chung, quy định về trình tự, thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm hoặc phiên họp sơ thẩm như: Xét xử trực tiếp bằng lời nói, không đảm bảo tính liên tục; vi phạm về thành phần Hội đồng xét xử hoặc Tòa án đưa ra xét xử những vụ án trong khi chưa triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai...; vi phạm về trình tự, thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm như: Khai mạc phiên tòa, giải quyết các yêu cầu thay đổi, người tiến hành tố tụng, người phiên dịch...; vi phạm trong việc xét hỏi, tranh luận, công bố các tài liệu, chứng cứ...

- **Dòng 223 (Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa phúc thẩm hoặc phiên họp phúc thẩm):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm quy định thủ tục giải quyết vụ án tại Toà án cấp phúc thẩm như: Vi phạm về tính chất, phạm vi của xét xử phúc thẩm (Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc phần có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị); vi phạm về thành phần Hội đồng xét xử; vi phạm về trình tự, thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm như: Khai mạc phiên tòa, giải quyết các yêu cầu tại phiên tòa như: Nguyên đơn rút đơn khởi kiện, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự...; vi phạm trong việc xét hỏi, tranh luận...

- **Dòng 224 (Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa hoặc phiên họp giám đốc thẩm, tái thẩm):** Thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm quy định

thủ tục giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm như: Vi phạm về tính chất, phạm vi của xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm (chỉ xét lại bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giải quyết vụ án hoặc có phát hiện tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án); vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm...; vi phạm về thẩm quyền, nội dung quyết định giải quyết của giám đốc thẩm, tái thẩm...

- **Dòng 225 (Số vụ, việc VKS không thực hiện quyền kiến nghị về QĐ áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án):** Thống kê số vụ, việc mà thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình... và hành chính của VKS xác định các quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án rõ ràng là không có căn cứ và trái pháp luật nhưng VKS không thực hiện quyền kiến nghị với Toà án để yêu cầu Toà án áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đúng căn cứ pháp luật.

- **Dòng 226 (Số vụ, việc VKS không thực hiện quyền kiến nghị về việc TA trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu):** Thống kê số vụ, việc mà thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình... và hành chính của VKS xác định Toà án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rõ ràng là không có căn cứ, trái pháp luật nhưng VKS không thực hiện quyền kiến nghị, yêu cầu Toà án thay đổi, huỷ bỏ quyết định trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu không có căn cứ pháp luật.

- **Dòng 227 (Số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Toà án):** Thống kê số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển trả hồ sơ vụ án cho Toà án để xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

- **Dòng 228 (Số kháng nghị bị VKS cấp trên rút kháng nghị):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS cấp dưới bị VKS cấp trên rút kháng nghị (bao gồm: Kháng nghị phúc thẩm, kháng nghị giám đốc thẩm và kháng nghị tái thẩm).

- **Dòng 229 (Số lần có vi phạm khác trong thụ lý, giải quyết vụ, việc dân sự, HNGĐ; KDTM; lao động; hành chính):** Thống kê số lần có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 206 - Dòng 228) trong thụ lý, giải quyết vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính.

9. Thống kê vi phạm trong thi hành án dân sự và thi hành án hành chính:

- **Dòng 230 (Số lần vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn yêu cầu thi hành án):** Thống kê số lần Cơ quan thi hành án dân sự vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn yêu cầu thi hành án như: Không kiểm tra nội dung đơn yêu cầu thi hành án và các tài liệu kèm theo, không vào sổ nhận đơn yêu cầu thi hành án, không cấp giấy biên nhận cho người nộp đơn... hoặc không từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án trong trường hợp: Người yêu cầu thi hành án không có quyền yêu cầu thi hành án, hết thời hiệu thi hành án...

- **Dòng 231 (Số việc có vi phạm trong thông báo, niêm yết công khai các QĐ về thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án dân sự vi phạm trong việc gửi, thông báo, niêm yết công khai các quyết định về thi hành án như: Quyết định cưỡng chế thi hành án không gửi cho VKS cùng cấp và UBND cấp xã...; quyết định thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập... không thông báo cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ...; việc thông báo không được lập thành biên bản; các quyết định về thi hành án không được niêm yết công khai tại trụ sở Cơ quan thi hành án và trụ sở UBND cấp xã...

- **Dòng 232 (Số quyết định về thi hành án dân sự có vi phạm):** Thống kê số quyết định về thi hành án dân sự vi phạm về hình thức như: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định, căn cứ điều luật... (quyết định về thi hành án dân sự bao gồm: Quyết định thi hành án; quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, huỷ quyết định thi hành án; quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ thi hành án...

- **Dòng 233 (Số quyết định thi hành án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn):** Thống kê số quyết định về thi hành án dân sự gửi cho VKS vi phạm về thời hạn.

- **Dòng 234 (Số việc vi phạm về việc phân loại, xác minh điều kiện thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án dân sự phân loại không chính xác, không kịp thời điều kiện thi hành án...; không xác minh hoặc xác minh không đầy đủ điều kiện thi hành án...

- **Dòng 235 (Số việc vi phạm trong việc uỷ thác và nhận uỷ thác thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án uỷ thác và nhận uỷ thác thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền, nội dung ... như: Có căn cứ uỷ thác nhưng Cơ quan thi hành án không tiến hành uỷ thác hoặc trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án nhưng không thực hiện uỷ thác ngay hoặc trường hợp xác định người phải thi hành án có tài sản tại nơi cư trú khác nhưng không tiến hành uỷ thác để thi hành án, trước khi uỷ thác Cơ quan thi hành án chưa xử lý xong tài sản bị tạm giữ, thu

giữ, tài sản bị kê biên tại địa bàn có liên quan đến khoản uỷ thác...; hoặc khi nhận được quyết định uỷ thác Thủ trưởng Cơ quan thi hành án không ra quyết định thi hành và không thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thi hành án đã uỷ thác...

- **Dòng 236 (Số việc vi phạm trong việc hoãn thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án quyết định hoãn thi hành án vi phạm về căn cứ, thời hạn, điều kiện được hoãn thi hành án như: Người phải thi hành án không bị ốm nặng hoặc không có tài sản; người được thi hành án không đồng ý cho người thi hành án hoãn thi hành...; hoặc khi căn cứ hoãn thi hành án không còn nhưng Thủ trưởng Cơ quan thi hành án không ra quyết định tiếp tục thi hành án...

- **Dòng 237 (Số việc vi phạm trong việc tạm đình chỉ thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án quyết định tạm đình chỉ thi hành án vi phạm về căn cứ, thời hạn, điều kiện được tạm đình chỉ thi hành án như: Cơ quan thi hành án không nhận được quyết định tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; hoặc khi nhận được quyết định rút kháng nghị của người có thẩm quyền, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án giữ nguyên bản án, quyết định bị kháng nghị... nhưng Thủ trưởng Cơ quan thi hành án không ra quyết định tiếp tục thi hành án...

- **Dòng 238 (Số việc vi phạm trong việc đình chỉ thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án quyết định đình chỉ thi hành án vi phạm về căn cứ đình chỉ thi hành án như: Người phải thi hành án chết không để lại di chúc hoặc theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế; bản án, quyết định bị huỷ một phần hoặc toàn bộ; quyết định được miễn hoặc giảm một phần nghĩa vụ thi hành án...

- **Dòng 239 (Số việc vi phạm trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời gian... trong thực hiện việc cưỡng chế thi hành án dân sự như: Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành nhưng Cơ quan thi hành án không ra quyết định cưỡng chế thi hành án; trước khi tiến hành cưỡng chế không xây dựng kế hoạch cưỡng chế; kế hoạch không gửi cho VKS, Công an, UBND cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế; vi phạm trong tổ chức cưỡng chế tài sản thuộc sở hữu chung, tài sản cưỡng chế là tiền, giấy tờ có giá, quyền sử dụng đất, trình tự thanh toán, hoàn trả...

- **Dòng 240 (Số việc vi phạm trong việc kê biên, định giá, bán đấu giá tài sản):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền... trong thực hiện việc kê biên, định giá, bán đấu giá tài sản như: Tổ

chức kê biên đối với tài sản không được kê biên (tài sản bị cầm lưu thông, lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải thi hành án, đồ thờ cúng...); việc kê biên không được lập biên bản; không ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong trường hợp đương sự không thoả thuận được về giá...

- Dòng 241 (Số việc vi phạm việc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án): Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm việc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án.

- Dòng 242 (Số việc vi phạm chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án): Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Dòng 243 (Số việc vi phạm về áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời): Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Dòng 244 (Số việc vi phạm thi hành khoản tịch thu sung quỹ Nhà nước, hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản án): Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm thi hành khoản tịch thu sung quỹ Nhà nước, hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản án.

- Dòng 245 (Số việc vi phạm trong việc Cơ quan THADS thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước): Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm trong việc Cơ quan THADS thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước

- Dòng 246 (Số việc vi phạm trong việc xử lý tài sản, vật chứng): Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, chuyển giao... trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị Toà án tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước; tiêu huỷ vật chứng, tài sản; trả lại cho đương sự hoặc để đảm bảo thi hành án... như: Quá thời hạn kể từ ngày ra quyết định thi hành án nhưng Cơ quan thi hành án không thông báo bằng văn bản và giao vật chứng, tài sản bị tạm giữ cho Cơ quan tài chính cùng cấp; quá thời hạn một tháng kể từ ngày ra quyết định thi hành án Cơ quan thi hành án không thành lập Hội đồng tiêu huỷ vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu huỷ...

- Dòng 247 (Số việc vi phạm trong việc lập hồ sơ xét miễn, giảm tiền thi hành án): Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn... trong việc lập hồ sơ xét miễn, giảm tiền thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước như: Hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm tiền thi hành án không đầy đủ các danh mục quy định như: Không có văn bản đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự, không xác

minh điều kiện thi hành án của người thi hành án, không có ý kiến bằng văn bản của VKS cùng cấp...

- **Dòng 248 (Số việc vi phạm trong việc thu, quản lý, xử lý tiền, tài sản thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, định mức khấu trừ, quản lý và xử lý tiền, tài sản thi hành án như: Việc khấu trừ tiền trong tài khoản hoặc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án, quyết định trừ thu nhập của người phải thi hành án vượt quá phần trăm tổng số tiền được nhận hàng tháng, việc thu tiền không cấp biên lai thu tiền cho người nộp tiền; việc quản lý tiền, tài sản thu được từ thi hành án dân sự không đúng quy định pháp luật về tài chính, kế toán như: Không lập chứng từ thu chi, không nộp tiền vào tài khoản quản lý của hệ thống cơ quan Kho bạc Nhà nước...

- **Dòng 249 (Số việc vi phạm trong việc không ra QĐ thu phí THA):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án không ra QĐ thu phí thi hành án đối với trường hợp phải thu phí THA dân sự theo quy định.

- **Dòng 250 (Số bản án, quyết định Toà án vi phạm thời hạn chuyển giao cho Cơ quan thi hành án):** Thống kê số bản án, quyết định của Toà án đã ra bản án, quyết định vi phạm về thời hạn chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để tổ chức thi hành án... và đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Toà án đã ra quyết định phải chuyển giao cho Cơ quan thi hành án dân sự ngay sau khi ra quyết định...

- **Dòng 251 (Số quyết định buộc thi hành án hành chính của Toà án có vi phạm):** Thống kê số quyết định buộc thi hành án hành chính của Toà án có vi phạm về trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành quyết định, căn cứ điều luật...

- **Dòng 252 (Số việc Toà án có vi phạm trong việc xét miễn, giảm tiền thi hành án):** Thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện, thẩm quyền... trong việc xét miễn, giảm tiền thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước như: Quyết định cho miễn, giảm tiền thi hành án đối với trường hợp người không có tài sản để thi hành án khi chưa đủ thời hạn đối với các khoản án phí không có giá ngạch...

- **Dòng 253 (Số việc có vi phạm khác trong THA dân sự và THA hành chính):** Thống kê số việc có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 230 - Dòng 252) trong thi hành án dân sự, hành chính.

10. Vi phạm trong thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp:

- **Dòng 254 (Số lần vi phạm trong việc tiếp công dân):** Thống kê số lần các cơ quan tư pháp (CQĐT, VKS, Toà án, Thi hành án và cơ quan khác được giao thực hiện một số việc liên quan đến hoạt động tư pháp) vi phạm trong việc

thực hiện quy định về tiếp công dân như: Công dân đến khiếu nại, tố cáo không được cơ quan tư pháp cử cán bộ, lãnh đạo tiếp công dân hoặc tiếp công dân không đúng nơi quy định...

Các Dòng 255, 256, 257, 258, 259 là phân tổ của Dòng 254, căn cứ vào việc cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 260 (Số lần vi phạm trong việc tiếp nhận, phân loại, thụ lý đơn):** Thống kê số lần các cơ quan tư pháp vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo như: Không tiếp nhận đơn hoặc tiếp nhận không vào sổ thụ lý để quản lý, theo dõi; không thông báo cho người khiếu nại, tố cáo biết việc thụ lý giải quyết; thụ lý đơn trong trường hợp hết thời hiệu hoặc trong các trường hợp không được thụ lý giải quyết; chuyển đơn khiếu nại, tố cáo không đúng thẩm quyền...

Các Dòng 261, 262, 263, 264, 265 là phân tổ của Dòng 260, căn cứ vào việc cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 266 (Số lần có vi phạm về việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ người tố cáo):** Thống kê số lần các cơ quan tư pháp vi phạm về phạm vi, đối tượng, thời hạn và nội dung trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ người tố cáo như: Không đảm bảo bí mật thông tin cho người tố cáo như: Tên, tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp...; không có các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo tại nơi công tác, nơi cư trú và tài sản, tính mạng của người tố cáo dẫn đến người tố cáo bị trù dập, bị phân biệt đối xử; tài sản, tính mạng của người bị tố cáo bị xâm phạm hoặc bị đe dọa...

Các Dòng 267, 268, 269, 270, 271 là phân tổ của Dòng 266, căn cứ vào việc cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 272 (Số đơn có vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết):** Thống kê số đơn khiếu nại, tố cáo các cơ quan tư pháp giải quyết vi phạm về trình tự, thủ tục, nội dung... giải quyết như: Vi phạm thời hạn giải quyết; quá trình giải quyết không tiến hành lập biên bản xác minh; việc xây dựng và lập hồ sơ giải quyết không đầy đủ, kết thúc việc giải quyết không ban hành quyết định giải quyết đối với đơn khiếu nại hoặc kết luận giải quyết đối với đơn tố cáo; không gửi kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo... hoặc vi phạm trong việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp khi giải quyết...

Các Dòng 273, 274, 275, 276, 277 là phân tổ của Dòng 272, căn cứ vào việc cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 278 (Số đơn có vi phạm thẩm quyền thụ lý giải quyết đơn):** Thống kê số đơn khiếu nại, tố cáo các cơ quan tư pháp vi phạm về thẩm quyền,

nội dung giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo như: Thụ lý giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại, tố cáo (đơn nặc danh); nội dung đơn khiếu nại, tố cáo không thuộc phạm vi, chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp phải giải quyết...

Các Dòng 279, 280, 281, 282, 283 là phân tổ của Dòng 278, căn cứ vào việc cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 284 (Số đơn vi phạm về nội dung giải quyết):** Thống kê số đơn mà các cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vi phạm về nội dung như: Các QĐ giải quyết không có căn cứ hoặc trái pháp luật mà đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận về nội dung giải quyết là không có căn cứ hoặc trái pháp luật.

Lưu ý: Căn cứ thống kê vào Dòng này là khi có của cơ quan có thẩm quyền kết luận về nội dung giải quyết trong QĐ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của các cơ quan đã thụ lý, giải quyết là không có căn cứ hoặc trái pháp luật (Ví dụ: *Tại kỳ thống kê trước, các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết đơn KN, TC bị khiếu nại lên cấp có thẩm quyền đề nghị tiếp tục giải quyết thì chưa thống kê. Đến kỳ thống kê sau, khi cơ quan có thẩm quyền **kết luận** về nội dung giải quyết của các cơ quan đó là không có căn cứ hoặc trái pháp luật thì mới thống kê vào Dòng này*).

Các Dòng 285, 286, 287, 288, 289 là phân tổ của Dòng 284, căn cứ vào việc cơ quan nào vi phạm thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 290 (Số việc kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo có vi phạm):** thống kê số việc VKS thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cơ quan tư pháp mà vi phạm về trình tự, thủ tục, thời gian tiến hành kiểm sát... như: Trực tiếp kiểm sát nhưng không ban hành quyết định trực tiếp kiểm sát, quá trình kiểm sát không lập biên bản, kết thúc cuộc kiểm sát không ban hành kết luận, kiến nghị hoặc kháng nghị...

- **Dòng 291 (Số bản kết luận, kiến nghị, kháng nghị của VKS ban hành thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết KNTC đối với các cơ quan tư pháp không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận):** thống kê số bản kết luận, kiến nghị, kháng nghị của VKS thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tư pháp của các cơ quan tư pháp không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận sửa chữa, khắc phục vi phạm.

- **Dòng 292 (Số lần vi phạm khác trong thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp):** Thống kê số lần có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu

trên (từ Dòng 254 - Dòng 291) trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp.

11. Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật:

- **Dòng 293 (Số người bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính):** Thống kê những người có thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết án hình sự; dân sự, hôn nhân gia đình; kinh doanh thương mại, lao động, hành chính; thi hành án và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp mà vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính.

Các Dòng 294, 295, 296, 297, 298 là phân tổ của Dòng 293, căn cứ vào người vi phạm thuộc cơ quan nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 299 (Số người bị khởi tố bị can):** thống kê số người có thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết án hình sự; dân sự, hôn nhân gia đình; kinh doanh thương mại, lao động, hành chính; thi hành án và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp mà vi phạm bị khởi tố bị can.

Các Dòng 300, 301, 302, 303, 304 là phân tổ của Dòng 299, căn cứ vào người bị khởi tố thuộc cơ quan nào thì thống kê vào dòng tương ứng.

- **Dòng 305 (Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát):** Thống kê số người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thực hiện công tác mà vi phạm pháp luật bị VKS yêu cầu CQĐT khởi tố bị can.

- **Dòng 306 (Số bị can VKS khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát):** Thống kê số người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thực hiện công tác mà vi phạm pháp luật bị VKS khởi tố bị.